

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI – LỚP 6

Ban Biên soạn:

1. Trần Thế Cường (Tổng Chủ biên)
2. Phạm Vĩnh Thái (Chủ biên)
3. Trần Đăng Nghĩa
4. Dương Thị Oanh
5. Hà Phương Nga
6. Nguyễn Hoài Thu
7. Đoàn Quỳnh Thương
8. Vũ Mai Lan

MỤC LỤC

Trang

<i>Phần một.</i> HƯỚNG DẪN CHUNG	4
<i>Phần hai.</i> HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC CHỦ ĐỀ	8
Chủ đề 1. LỊCH SỬ HÀ NỘI TỪ THỜI NGUYÊN THỦY ĐẾN THẾ KỈ X	8
Chủ đề 2. DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ TIÊU BIỂU Ở HÀ NỘI TỪ THỜI NGUYÊN THỦY ĐẾN THẾ KỈ X	18
Chủ đề 3. HỌC SINH HÀ NỘI GÓP PHẦN XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VĂN HOÁ.....	27
Chủ đề 4. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ SỰ THAY ĐỔI PHẠM VI HÀNH CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI	35
Chủ đề 5. SẢN VẬT HÀ NỘI	44
Chủ đề 6. CÁC NGHỀ TRUYỀN THỐNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI	52
Chủ đề 7. PHONG TRÀO “TƯƠNG THÂN TƯƠNG ÁI” Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....	62
Chủ đề 8. Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG TỚI ĐỜI SỐNG, SỨC KHỎE NGƯỜI DÂN HÀ NỘI.....	68

Phần một: **HƯỚNG DẪN CHUNG**

I. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Tài liệu Giáo dục địa phương thành phố Hà Nội cấp THCS được biên soạn đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo (Chương trình tổng thể ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 BGDĐT, mục V khoản 4 trang 31).

Nội dung Giáo dục địa phương giúp các em hiểu biết cơ bản về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, chính sách, xã hội, hướng nghiệp, môi trường... của địa phương, nơi mình đang sống; bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học. Qua đó, giúp các em thêm yêu quý, tự hào và có ý thức bảo vệ, phát huy giá trị truyền thống quê hương của thành phố Hà Nội.

Những nội dung cần biên soạn của cấp THCS được từng bước cụ thể hoá thành các chủ đề ở lớp 6 như sau:

Chủ đề	Nội dung	Số tiết
1	Lịch sử Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X	4
2	Di sản văn hóa vật thể tiêu biểu ở Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X	4
3	Học sinh Hà Nội góp phần xây dựng Gia đình văn hóa	4
4	Vị trí địa lí và sự thay đổi phạm vi hành chính thành phố Hà Nội	4
5	Sản vật Hà Nội	4
6	Các nghề truyền thống góp phần phát triển kinh tế thành phố Hà Nội	4
7	Phong trào “Tương thân tương ái” ở thành phố Hà Nội	4
8	Ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường tới đời sống, sức khỏe người dân Hà Nội	4
Đánh giá định kì		2
Tổng kết cuối năm		1
Tổng cộng		35

II. GIỚI THIỆU TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI – LỚP 6

1. Cấu trúc nội dung

Tính hệ thống của bộ sách này chính là sự thống nhất trong cấu trúc của mỗi chủ đề, thể hiện ở bốn mục: Mở đầu – Kiến thức mới – Luyện tập – Vận dụng. Logic của bốn mục này được diễn giải như sau:

- *Mở đầu*: Khơi gợi các kiến thức, hiểu biết của học sinh liên quan đến chủ đề, định hướng cho việc tổ chức các hoạt động tiếp theo.
- *Kiến thức mới*: Hình thành kiến thức, giải thích, cung cấp thông tin liên quan đến nội dung chủ đề.
- *Luyện tập*: Luyện tập, thực hành, giúp học sinh xử lý và củng cố hoạt động nhận thức ở hai hoạt động trên qua nhiều hình thức học tập.
- *Vận dụng*: Vận dụng cơ bản và vận dụng nâng cao, vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tế trong nội dung chủ đề qua các hình thức: tham quan thực tế, giới thiệu, sưu tầm, đóng vai....

2.2. Các dạng chủ đề và mạch kiến thức, kỹ năng

a) Các dạng chủ đề

Về cơ bản, nội dung biên soạn *Tài liệu Giáo dục địa phương thành phố Hà Nội* được triển khai theo trục chính, đó là:

- Hiểu biết, kiến thức, kỹ năng để có thể ứng xử phù hợp với sự tồn tại của thế giới tự nhiên, cảnh quan thiên nhiên đến môi trường sinh thái, địa lí,... (chủ đề 4, 5, 6...).
- Có hiểu biết kiến thức, kỹ năng thích ứng với giá trị văn hóa, lịch sử, kinh tế - xã hội, được thừa nhận từ cộng đồng (chủ đề 1, 2, 3,...).

b) Mạch kiến thức – kỹ năng

– Đảm bảo kiến thức và kỹ năng ở bốn hoạt động cơ bản của nội dung Hoạt động trải nghiệm: hoạt động hướng vào bản thân; hoạt động hướng đến xã hội; hoạt động hướng đến tự nhiên và hoạt động hướng nghiệp.

– Đảm bảo sự tích hợp, lồng ghép với nội dung khác như: yêu quê hương, giá trị văn hoá đặc sắc của địa phương; giáo dục tư tưởng, đạo đức; xây dựng nếp sống văn minh; bảo vệ môi trường tự nhiên, yếu tố đa dạng sinh học, chất lượng môi trường sống, tìm hiểu nghề nghiệp gắn gũi ở địa phương; an sinh xã hội, tôn trọng kỉ cương, nội quy nhà trường,...

c) Về cách trình bày

Để phù hợp với nhận thức của HS, những lớp đầu cấp, sách sử dụng nhiều hình ảnh chụp thực tế, hình vẽ minh hoạ nhằm tăng cường tính trực quan, tạo cho HS sự hứng thú đối với môn học.

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Theo định hướng phát triển năng lực, *Tài liệu Giáo dục địa phương thành phố Hà Nội* được biên soạn theo hướng giúp HS khám phá tri thức và vận dụng tri thức đó vào thực tiễn. Do đó, HS tìm hiểu nội dung của mỗi chủ đề qua các phần việc cụ thể, theo cấu trúc chung thể hiện thống nhất trong bộ sách để có được nhận thức về những vấn đề liên quan đến mỗi chủ đề. Như vậy, phương pháp dạy học nội dung Giáo dục địa phương chú trọng đến hoạt động tương tác, thảo luận, thuyết trình theo nhóm và khả năng tự học qua việc tìm hiểu kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau như: thư viện nhà trường, sách báo tại địa phương, người thân, internet,...

Về cơ bản, HS được học tập nội dung Giáo dục địa phương thông qua hoạt động trải nghiệm cá nhân, thảo luận và làm việc nhóm (hợp tác), thu thập thông tin phản hồi, trong đó chú trọng đến việc trao quyền và trách nhiệm cho HS thông qua việc HS phải đối diện với nhiệm vụ và giải quyết vấn đề đặt ra. Theo đó, phương pháp dạy học dựa trên giải quyết vấn đề, kích thích tính tích cực của HS bằng cách tạo động lực học tập, phát huy khả năng của HS trong việc vận dụng và sử dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thường gặp trong thực tế. Một số phương pháp dạy học nội dung Giáo dục địa phương có thể sử dụng là:

- Phương pháp kiến tạo, tìm tòi.
- Phương pháp gợi mở, thu nhận.
- Phương pháp khuyến khích, tham gia.
- Phương pháp đánh giá, kiểm tra.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Đánh giá kết quả học tập trong nội dung Giáo dục địa phương căn cứ theo quy định về “Đánh giá học sinh THCS ” được ban hành theo Thông tư số 22/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 20/07/2021, quy định đánh giá học sinh THCS và THPT.

Với nội dung Giáo dục địa phương, việc đánh giá được thực hiện bằng lời nhận xét, trao đổi nội dung bài học về kiến thức, kỹ năng và kết quả hoạt động mà mỗi HS trải nghiệm. Trong đó, HS được tham gia đánh giá theo hình thức: đánh giá hợp tác giữa GV và HS; đánh giá đồng đẳng giữa HS với nhau. Trong đó, GV cần quan tâm tới việc HS tự nhận xét trong quá trình học tập và có ý kiến nhận xét về phần trình bày của bạn.

Khi đánh giá kết quả học tập, GV cần nắm được mục tiêu, bản chất, mức độ cần đạt của mỗi chủ đề để có đánh giá phù hợp với từng đối tượng HS. Việc nhận xét HS cũng cần lưu ý là nhìn nhận sự nỗ lực của từng cá nhân, không so sánh với các thành viên trong lớp. Khi nhận xét, không quá chú trọng đến kết quả cuối cùng mà cần chú ý đến quá trình HS tham gia vào các hoạt động, sự tiến bộ từ kỹ năng, thao tác đến phân diễn giải nội dung ở mỗi chủ đề.

Chủ đề 1

LỊCH SỬ HÀ NỘI TỪ THỜI NGUYÊN THỦY ĐẾN THẾ KỈ X

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được những nét tiêu biểu của lịch sử Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X qua các thời kì: thời nguyên thủy, thời kì Văn Lang – Âu Lạc, thời kì Bắc thuộc.
- Mô tả được sự thay đổi vị thế của Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X.
- Tự hào về truyền thống lịch sử của Hà Nội trong sự phát triển của lịch sử dân tộc.

2. CHUẨN BỊ

2.1. Chuẩn bị của giáo viên

- Một số hình ảnh về lịch sử Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X.
- Phiếu học tập.
- Giấy A0, bảng phụ, nam châm/băng dính.
- Máy chiếu và bài giảng Powerpoint (nếu có).

2.2. Chuẩn bị của học sinh

- Đồ dùng học tập: bút, hộp màu.
- Thông tin, hình ảnh về lịch sử Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X sưu tầm được (nếu có).
- Tài liệu *Giáo dục địa phương thành phố Hà Nội lớp 6*.

3. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG

3.1. Mở đầu

a) Mục đích

- HS nêu được những hiểu biết sẵn có của mình về các nhân vật, địa danh liên quan đến thời kì lịch sử Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X.
- HS chuẩn bị tâm thế hào hứng khi bắt đầu bài học.

b) Gợi ý hoạt động

– GV chia cả lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu về một từ khóa trong phần mở đầu của SGK: Cổ Loa, Mê Linh, làng cổ Đường Lâm, Hai Bà Trưng, Phùng Hưng, Ngô Quyền.

– Nhiệm vụ của mỗi nhóm là trong thời gian 5 phút, các nhóm liệt kê tất cả những hiểu biết của mình về từ khóa đã được giao.

– Hết thời gian chuẩn bị, đại diện các nhóm trình bày kết quả.

Lưu ý: GV không yêu cầu các nhóm phải trình bày hiểu biết sâu về từ khóa. Các nhóm chỉ cần nêu một vài đặc điểm ngắn gọn về từ khóa là đạt yêu cầu nhiệm vụ học tập trong phần này.

– Sau khi các nhóm trình bày xong, GV có thể bổ sung thêm một số thông tin về các từ khóa.

– GV đặt câu hỏi gợi ý:

Các nhân vật, địa danh này có đặc điểm chung là gì? (Gợi ý: là những nhân vật, địa danh liên quan đến giai đoạn lịch sử Hà Nội trước thế kỉ X).

– GV dẫn dắt vào bài mới.

3.2. Kiến thức mới

a) Mục đích

– HS trình bày được những nét tiêu biểu của lịch sử Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X qua các thời kì: thời nguyên thủy, thời kì Văn Lang – Âu Lạc, thời kì Bắc thuộc.

– HS mô tả được sự thay đổi vị thế của Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X.

b) Gợi ý hoạt động

** Hoạt động 1: Tìm hiểu giai đoạn lịch sử Hà Nội thời nguyên thủy*

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin, khai thác hình ảnh 1.1, 1.2 trong SGK và thảo luận theo cặp đôi để trả lời các câu hỏi sau:

+ Cư dân ở vùng đất Hà Nội bắt đầu biết sử dụng đồ đồng vào khoảng thời gian nào?

+ Kể tên các nền văn hóa thời đại đồ đồng ở Hà Nội.

+ Kể tên các di chỉ khảo cổ học ở Hà Nội liên quan đến các nền văn hóa thời đại đồ đồng.

+ Các loại hiện vật được phát hiện ở các di chỉ khảo cổ học này gồm những gì?

– Hết thời gian thảo luận, GV mời đại diện một số cặp đôi trình bày kết quả. Các cặp đôi trình bày sau chỉ bổ sung, không lặp lại các nội dung cặp đôi trước đã trả lời.

– GV tổng kết, nhận xét.

GV bổ sung một số thông tin về các di chỉ văn hóa thời đại đồ đồng và đồ sắt ở Hà Nội:

Vùng đất Hà Nội hiện nay là một trung tâm tụ cư sớm của người Việt cổ. Khoảng 2 000 – 1 500 năm TCN, Hà Nội bắt đầu bước vào thời kì đồng thau (*Văn hóa Phùng Nguyên, Văn hóa Đông Đậu, Văn hóa Gò Mun*), khoảng 500 năm TCN là thời kì đồ sắt (*văn hóa Đông Sơn*). Đã có rất nhiều di vật và di chỉ khảo cổ được phát hiện trên địa bàn Hà Nội mà đáng chú ý có thể kể đến các di chỉ Thành Dền (huyện Mê Linh); Cổ Loa, Đình Tràng (huyện Đông Anh); Vườn Chuối (huyện Hoài Đức).

Di chỉ Đình Tràng thuộc thôn Đình Tràng (Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội) nằm ở phía đông Cổ Loa. Đình Tràng là di chỉ cư trú – mộ táng, có thể nhận thấy diện mạo của bốn giai đoạn văn hóa nối tiếp nhau trong khung niên đại thời đại đồng thau Việt Nam: Phùng Nguyên – Đông Đậu – Gò Mun – Đông Sơn. Đặc biệt tìm thấy rất nhiều mộ táng cư dân ở Đình Tràng. Di vật thu được qua các lần khai quật di chỉ Đình Tràng gồm: đồ đá, đồ đồng thau, đồ gốm, đồ đất nung, mảnh gốm vỡ các loại.

Di chỉ Cổ Loa ở huyện Đông Anh cũng là địa điểm khảo cổ học có giá trị nổi bật, gắn với các giai đoạn văn hóa khảo cổ của người Việt: Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun, Đông Sơn. Di chỉ Cổ Loa có nhiều di chỉ khảo cổ tiêu biểu: Đồng Vông, Bãi Mèn, Đình Chiền, Mả Tre, Thành Nội, Thành Ngoại, Thành Trung, Xuân Kiều, xóm Nhồi, đền Thượng, Tiên Hội, Đường Mây, Cầu Vực... Tại khu vực này, các nhà khảo cổ đã phát hiện được hàng vạn công cụ lao động, nhạc khí và vũ khí bằng đồng.

Di chỉ Thành Dền thuộc xã Tân Lập, huyện Mê Linh. Tại di chỉ này các nhà khảo cổ đã khai quật được hàng trăm hiện vật cổ được xác định xuất hiện từ các thời kỳ Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun. Các hiện vật tìm thấy gồm: công cụ sản xuất, vũ khí, đồ dùng sinh hoạt, đồ trang sức bằng những chất liệu khác nhau. Di vật đặc trưng của đồ đồng là rìu chữ nhật, rìu xoè cân, rìu lưỡi hơi lệch; giáo thân hình lá có họng tra cán; mũi tên cánh én; lưỡi câu có ngạnh. Vết tích còn lại như mảnh nôi, lò vẫn còn những xỉ đồng đang chảy, chứng tỏ nghề luyện kim đúc đồng thời đó được thực hiện tại chỗ.

Di chỉ Vườn Chuối: thuộc huyện Hoài Đức có niên đại kéo dài hơn 1 000 năm lịch sử, từ giai đoạn cuối của văn hóa Phùng Nguyên đến văn hóa Đông Sơn. Di chỉ Vườn Chuối là tên gọi một cụm di chỉ khảo cổ thời đại kim khí phân bố ở các gò Vườn Chuối, gò Mỏ Phụng, gò Dền Rắn, gò Chùa Gio, gò Đình Lỗ, gò Cây Muống, gò Chiền Vạy, thuộc thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức. Di chỉ chứng minh một địa điểm cư trú lâu dài của người Việt cổ, góp phần cung cấp đầy đủ chứng cứ lịch sử về sự có mặt của con người rất sớm trên địa bàn Hà Nội. Tuy nhiên, Di chỉ Vườn Chuối dù mang giá trị lớn nhưng chưa thực sự được quan tâm và phát huy giá trị.

** Hoạt động 2: Thảo luận về lịch sử Hà Nội thời kì Văn Lang – Âu Lạc*

– GV yêu cầu HS nêu một vài nét chính về nhà nước Văn Lang, Âu Lạc. GV có thể sử dụng kĩ thuật động não để huy động kiến thức của HS trong thời gian ngắn. Mỗi HS sẽ trả lời nhanh về một ý của nước Văn Lang – Âu Lạc (Ví dụ: Thời gian hình thành, phạm vi không gian, người đứng đầu, kinh đô...).

– GV chia lớp thành 2 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm như sau:

+ Nhóm 1: Tìm hiểu lịch sử Hà Nội thời kì Văn Lang.

+ Nhóm 2: Tìm hiểu lịch sử Hà Nội thời kì Âu Lạc.

– GV phổ biến hình thức, yêu cầu của hoạt động thảo luận nhóm:

+ Các nhóm hoàn thành nhiệm vụ vào giấy A0 (hình thức tùy chọn: vẽ sơ đồ tư duy, kẻ bảng,...).

+ Thời gian hoàn thành sản phẩm: 15–20 phút.

– Sau khi hoàn thành sản phẩm, đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp.

– GV tổ chức cho HS thảo luận thông qua nhận xét, trao đổi, phản hồi.

GV có thể cung cấp thêm cho HS một số thông tin về lịch sử Hà Nội thời kì Văn Lang – Âu Lạc:

Làng Chèm và đình Chèm:

– Làng Chèm, nay thuộc phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm. Tương truyền làng Chèm là ngôi làng cổ từ thời Hùng Vương. Làng Chèm là quê của Lý Ông Trọng, là bậc dũng sĩ văn võ song toàn. Theo lưu truyền dân gian, Ông giúp vua Hùng Duệ Vương chặn giặc phía tây, phía nam giữ yên bờ cõi Văn Lang. Ông cũng giúp An Dương Vương đánh thắng quân xâm lược Tần. Khi được cử làm sứ sang nhà Tần, Ông đã giúp nhà Tần đuổi giặc Hung Nô. Ông được suy tôn là Đức Thành hoàng làng.

– Đình thờ Đức Thành hoàng làng Chèm nằm bên tả ngạn sông Hồng. Tương truyền, đình Chèm được dựng từ năm 715, khi đó gọi là đền. Năm 866, Cao Biền qua đây đã cho tu sửa và tạc tượng Lý Ông Trọng bằng gỗ trầm hương. Sau đó, đình đã trải qua nhiều lần tu sửa. Đình Chèm là công trình kiến trúc, di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng, kiến trúc hiện tại theo kiểu “nội Công ngoại Quốc”.

Cổ Loa: Vào thời Âu Lạc, Cổ Loa nằm vào vị trí đỉnh của tam giác châu thổ sông Hồng và là nơi giao lưu quan trọng của đường thủy và đường bộ. Từ đây có thể kiểm soát được cả vùng đồng bằng lẫn vùng sơn địa. Cổ Loa là một khu đất đồi cao ráo nằm ở tả ngạn sông Hoàng. Con sông này qua nhiều thế kỉ bị phù sa bồi đắp và nay đã trở thành một con lạch nhỏ, nhưng xưa kia sông Hoàng là một con sông nhánh lớn quan trọng của sông Hồng, nối liền sông Hồng với sông Cầu, con sông lớn nhất trong hệ thống sông Thái Bình. Như vậy, về phương diện giao thông đường thủy, Cổ Loa có một vị trí vô cùng thuận lợi. Đó là vị trí nối liền mạng lưới đường thủy của sông Hồng cùng với mạng lưới đường thủy của sông Thái Bình. Hai mạng lưới đường thủy này chi phối toàn bộ hệ thống đường thủy tại Bắc Bộ.

Địa điểm Cổ Loa chính là Phong Khê, lúc đó là một vùng đồng bằng trù phú có xóm làng, dân cư đông đúc, sống bằng nghề làm ruộng, đánh cá và thủ công nghiệp. Việc dời đô từ Phong Châu về đây, đánh dấu một giai đoạn phát triển của dân cư Việt cổ, giai đoạn người Việt chuyển trung tâm quyền lực từ vùng trung du bán sơn địa về định cư tại vùng đồng bằng. Việc định cư tại đồng bằng chứng tỏ một bước tiến lớn trong các lĩnh vực xã hội, kinh tế, trong giao tiếp, trao đổi con người dễ dàng đi lại bằng đường bộ hay bằng đường thủy; trong nông nghiệp có bước tiến đáng kể về kĩ thuật trồng lúa nước, mức độ dân cư cũng đông đúc hơn.

** Hoạt động 3: Thảo luận về địa danh Hà Nội thời kì Bắc thuộc*

– GV tổ chức cho HS đọc thông tin trong SGK, quan sát hình 1.7 và 1.8, GV tổ chức trao đổi, thảo luận để tìm hiểu tên gọi của địa danh Hà Nội thời Bắc thuộc.

– Một số câu hỏi gợi ý:

+ Trong thời kì Bắc thuộc, Hà Nội thuộc quận nào?

+ Từ khi được chọn là thủ phủ của chính quyền đô hộ phương Bắc, Hà Nội được biết đến với những tên gọi nào?

+ Các triều đại phong kiến phương Bắc đã xây dựng ở Hà Nội những thành lũy nào?

+ Tên gọi nào của Hà Nội từ thời Bắc thuộc còn tồn tại đến ngày nay?

GV có thể giải thích thêm việc chia tách lãnh thổ Âu Lạc cũ thành các châu quận của chính quyền đô hộ (như nhà Triệu chia Âu Lạc thành hai quận: Giao Chỉ (tương đương khu vực Bắc Bộ ngày nay, trong đó có Hà Nội), Cửu Chân (tương đương với vùng Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh). Nhà Hán lập thêm một quận là Nhật Nam (tương đương với vùng Quảng Bình – Quảng Nam), gộp với 6 quận của Trung Quốc thành Giao Châu.

Cho đến khoảng giữa thế kỉ V, vùng trung tâm Hà Nội mới được đặt thành một đơn vị hành chính, đó là huyện Tống Bình (sau đó đổi là quận). Đầu thế kỉ VII, chính quyền đô hộ nhà Tùy chuyển trụ sở của quận Giao Chỉ từ Luy Lâu (Bắc Ninh) về huyện Tống Bình.

Năm 679, nhà Đường lập An Nam đô hộ phủ thì Tống Bình trở thành trung tâm của phủ An Nam đô hộ rộng lớn cho đến trước khi nước ta giành lại độc lập từ các triều đại phong kiến phương Bắc.

* *Hoạt động 4:* Thảo luận cặp đôi về những lần Hà Nội được chọn làm kinh đô trong những cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc trước thế kỉ X.

– Dựa vào thông tin và hình ảnh trong SGK, GV tổ chức cho HS trao đổi theo cặp đôi. Các cặp đôi thảo luận và trả lời câu hỏi trong SGK về nội dung Hà Nội trong các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc trước thế kỉ X:

+ Hà Nội được chọn làm kinh đô trong những cuộc đấu tranh giành độc lập nào của dân tộc trước thế kỉ X?

+ Mô tả sự thay đổi vị thế của Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X.

– Hết thời gian thảo luận, GV mời đại diện một số cặp đôi trình bày kết quả.

– GV nhận xét, kết luận.

Thông tin thêm cho HS:

Trải qua nhiều thăng trầm lịch sử, Hà Nội từ một vùng đất nhỏ bé trở thành trung tâm chính trị – xã hội của đất nước. Giai đoạn này là tiền đề cho sự phát triển của Thăng Long – Hà Nội trong lịch sử dân tộc về sau này.

* *Hoạt động 5:* Giới thiệu một số nhân vật lịch sử tiêu biểu của Hà Nội thời kì đấu tranh giành độc lập dân tộc trước thế kỉ X.

GV tổ chức trò chơi “*Giải mã nhân vật*”.

– GV sẽ chọn 4 cặp chơi. GV viết từ khóa là tên các nhân vật Hai Bà Trưng, Phùng Hưng, Ngô Quyền, Lí Bí lên các mẫu giấy nhỏ. GV giao cho mỗi cặp một từ khóa. Trong cặp chơi, 1 thành viên là người giải thích, thành viên còn lại là người đoán từ khóa.

– HS sẽ dùng kiến thức lịch sử để giải thích từ khóa cho đồng đội. Đội nào giải thích và trả lời đúng trong thời gian ngắn nhất sẽ giành chiến thắng.

– Trong phần chơi này, HS vừa nhớ được tên nhân vật, vừa phải vận dụng kiến thức lịch sử để giải thích và trả lời chính xác cho từ khóa.

– GV cũng có thể mở rộng thêm các từ khóa về các nhân vật, địa danh của Hà Nội thời kì đấu tranh giành độc lập dân tộc trước thế kỉ X để HS thực hành.

3.3. Luyện tập

a) Mục đích

HS củng cố lại kiến thức, mở rộng hiểu biết thông qua việc tìm hiểu các vấn đề liên quan đến giai đoạn lịch sử Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X.

b) Gợi ý hoạt động

* *Hoạt động 1:* Thảo luận về giá trị của các di chỉ khảo cổ học ở Hà Nội

– GV tổ chức thảo luận theo nhóm. Các nhóm trả lời các câu hỏi:

+ Sự tiếp nối của các nền văn hoá qua các di chỉ khảo cổ học ở Hà Nội từ Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun, Đông Sơn nói lên điều gì về lịch sử Hà Nội?

+ Hiện nay, một số di tích khảo cổ học ở Hà Nội chưa được khai thác hết giá trị, có di tích bị xâm phạm nghiêm trọng do quá trình xây dựng và đô thị hóa (như di tích Vườn Chuối). Vậy em có đề xuất gì để bảo vệ và khai thác được hết giá trị của các di tích?

- Hết thời gian thảo luận, các nhóm trả lời câu hỏi.
- GV tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận để tìm hiểu kĩ hơn về nhiệm vụ học tập.

Thông tin thêm cho HS:

Các di chỉ khảo cổ học ở Hà Nội có giá trị to lớn đối với lịch sử Hà Nội nói riêng và lịch sử dân tộc nói chung. Các di chỉ khẳng định sự cư trú lâu dài và liên tục của cư dân Hà Nội từ thời kì văn hóa Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun đến Đông Sơn.

Đứng trước nguy cơ bị xâm phạm nghiêm trọng của di chỉ Vườn Chuối, nhiều nhà khoa học đã kiến nghị nên khoanh vùng bảo vệ, giữ lại một phần di chỉ khảo cổ này để làm công viên khảo cổ. Các cấp chính quyền địa phương cần hỗ trợ trong việc bảo vệ khu di tích này trước nguy cơ bị xâm phạm, hạn chế các hoạt động xây dựng ở khu vực này, đồng thời khẩn trương làm hồ sơ xếp hạng cho di tích Vườn Chuối.

** Hoạt động 2:* Thảo luận về ý nghĩa của việc Ngô Quyền định đô tại Cổ Loa (thế kỉ X) đối với lịch sử Hà Nội.

GV tổ chức cho HS thảo luận cả lớp để trả lời câu hỏi.

Thông tin thêm cho HS:

Cổ Loa là mảnh đất đã hai lần được chọn làm Kinh đô, đó là Kinh đô nước Âu Lạc thời An Dương Vương và Kinh đô của triều Ngô. Ngô Quyền xưng vương, đặt trăm quan, định ra triều nghi phẩm phục, đóng đô ở Cổ Loa với ý nghĩa phục hồi lại quốc thống. Chọn đóng đô tại Cổ Loa, Ngô Quyền đã khôi phục vị trí trung tâm chính trị của đất nước là vùng đất Hà Nội.

Sự kiện Ngô Quyền dựng nước, xưng vương, định đô ở Cổ Loa đã kết thúc hơn 1 000 năm Bắc thuộc của dân tộc, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự chủ, là dấu mốc quan trọng trong lịch sử Việt Nam, từ đó đưa dân tộc ta bước vào thời kì xây dựng trên quy mô lớn và hoàn toàn tự chủ.

3.4. Vận dụng

a) Mục đích

- HS vận dụng được những kiến thức đã học trong bài để giải quyết các nhiệm vụ học tập.
- HS tiếp tục rèn luyện kĩ năng làm việc nhóm, thuyết trình liên quan đến kiến thức đã học trong chủ đề, thực hiện được các hoạt động và trải nghiệm phù hợp với bản thân trong cuộc sống.

b) Gợi ý hoạt động

* *Hoạt động 1:* Dự án học tập về các nhân vật lịch sử tiêu biểu của Hà Nội thời kì trước thế kỉ X

GV chia lớp thành 3 nhóm theo dự án học tập được phân công ít nhất một tuần trước tiết học.

+ Nhóm 1: Tìm hiểu về Hai Bà Trưng;

+ Nhóm 2: Tìm hiểu về Phùng Hưng;

+ Nhóm 3: Tìm hiểu về Ngô Quyền.

– GV giao nhiệm vụ mỗi nhóm tìm hiểu về nhân vật lịch sử theo gợi ý trong phiếu học tập:

TÊN NHÂN VẬT LỊCH SỬ – Thông tin cá nhân: tên tuổi, quê quán,... – Bối cảnh lịch sử: – Tóm tắt cuộc khởi nghĩa: – Công lao đối với lịch sử: – Những câu chuyện, hình ảnh liên quan:

– Về hình thức trình bày, GV khuyến khích các cách trình bày sáng tạo của HS. HS có thể lựa chọn trình bày thông qua sơ đồ tư duy, làm poster, tranh vẽ, bộ sưu tập ảnh kèm thuyết minh,...

– Đến ngày thuyết trình, các nhóm sẽ lần lượt trình bày sản phẩm của mình.

– GV tổ chức cho HS thảo luận, nhận xét, phản hồi để tìm hiểu sâu hơn về các nhân vật lịch sử và mối liên hệ đối với lịch sử Hà Nội giai đoạn này.

3.5. Tổng kết và đánh giá (3–5 phút)

GV thiết kế một số câu hỏi trắc nghiệm để thực hiện phân tổng kết và đánh giá. GV có thể thiết kế thành các phiếu học tập hoặc tổ chức thành một cuộc thi nhỏ. Khuyến khích GV thiết kế thêm những câu hỏi trắc nghiệm khác.

Minh họa một số câu hỏi trắc nghiệm:

1. Cách ngày nay khoảng bao nhiêu năm, cư dân sống ở vùng đất Hà Nội bắt đầu biết sử dụng đồ đồng?

- A. 1 000 năm
- B. 2 000 năm
- C. 3 000 năm
- D. 4 000 năm

2. Vào thời kì Bắc thuộc, Hà Nội thuộc

- A. quận Giao Chỉ.
- B. quận Cửu Chân.
- C. quận Nhật Nam.
- D. quận Giao Châu.

3. Cổ Loa được chọn làm kinh đô vào những thời kì nào?

- A. Văn Lang.
- B. Văn Lang – Âu Lạc.
- C. Âu Lạc và nhà Ngô.
- D. Nhà Ngô.

Đáp án: 1. D; 2. A; 3. C.

Chủ đề 2

DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ TIÊU BIỂU Ở HÀ NỘI TỪ THỜI NGUYÊN THỦY ĐẾN THẾ KỈ X

1. MỤC TIÊU

- Kể tên được một số di sản văn hoá vật thể tiêu biểu ở Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X.
- Trình bày được một số nét chính về các di sản văn hoá vật thể tiêu biểu ở Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X.
- Giới thiệu được những giá trị của di sản văn hoá vật thể ở thành phố Hà Nội cho người thân và cộng đồng.
- Tự hào về truyền thống lịch sử Hà Nội trong sự phát triển của lịch sử dân tộc.

2. CHUẨN BỊ

2.1. Chuẩn bị của giáo viên

- Một số hình ảnh về các di sản văn hóa vật thể tiêu biểu ở Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X.
- Phiếu học tập.
- Giấy A0, bảng phụ, nam châm/băng dính.
- Máy chiếu và bài giảng Powerpoint (nếu có).

2.2. Chuẩn bị của học sinh

- Đồ dùng học tập: bút, hộp màu.
- Thông tin, hình ảnh về các di sản văn hóa vật thể tiêu biểu ở Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X sưu tầm được (nếu có).
- Tài liệu *Giáo dục địa phương thành phố Hà Nội lớp 6*.

3. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG

3.1. Mở đầu

a) Mục đích

- HS nêu được những hiểu biết sẵn có của mình về các di sản văn hóa vật thể ở Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X.
- HS chuẩn bị tâm thế hào hứng khi bắt đầu bài học.

b) Gợi ý hoạt động

- GV thực hiện các hoạt động sau:
 - + Tổ chức cho HS chơi trò chơi: “Ai nhanh hơn”.
 - + Đưa ra một số hình ảnh về các di sản văn hóa vật thể ở Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X.
 - + Tổ chức cho HS đoán theo hoạt động cá nhân. GV đưa ra từng hình ảnh, mỗi hình ảnh 30 giây. HS nào trả lời đúng và nhanh nhất sẽ giành chiến thắng.
 - + Phương án khác: Chia lớp thành các đội chơi, mỗi đội chơi được phát một tập ảnh. Thời gian suy nghĩ tối đa là 5 phút. Đội chơi nào có đáp án sớm hơn được phép trả lời trước. Đội nào có nhiều đáp án chính xác hơn sẽ là đội chiến thắng.
- Một số hình ảnh gợi ý: thành Cổ Loa, đền thờ An Dương Vương, trống đồng Hoàng Hạ, trống đồng Cổ Loa, lưỡi cày đồng Cổ Loa, mũi tên đồng Cổ Loa, sưu tập khuôn đúc Cổ Loa, làng cổ Đường Lâm,...*
- GV có thể khai thác thêm trải nghiệm của HS nếu HS đã từng đến các địa danh hoặc từng được biết về các hiện vật nêu trên.
- GV giới thiệu cho HS khái niệm “di sản văn hóa vật thể” để HS có cái nhìn tổng quan về bài học.

Lưu ý: Đây là hoạt động mở đầu nên có thể có những hình ảnh HS không trả lời được. GV không đánh giá, phê bình mà chỉ ghi nhận lại những hiểu biết của HS để HS chuẩn bị tâm thế vào bài mới.

- GV dẫn dắt vào bài mới.

Thông tin thêm cho HS:

Di sản văn hoá vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Di sản văn hoá vật thể bao gồm: di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

(Luật Di sản văn hóa 2013)

3.2. Kiến thức mới

a) Mục đích

- HS kể tên được một số di sản văn hoá vật thể tiêu biểu ở Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X.
- HS trình bày được một số nét chính về các di sản văn hoá vật thể tiêu biểu ở Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X.
- HS giới thiệu được những giá trị của di sản văn hoá vật thể ở thành phố Hà Nội cho người thân và cộng đồng.

b) Gợi ý hoạt động

- * *Hoạt động 1:* Tìm hiểu di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ Cổ Loa
- GV cho HS xem đoạn phim giới thiệu di tích Cổ Loa (GV có thể tham khảo clip tại: <https://www.youtube.com/watch?v=kLsKhpuPeyE>).
- GV yêu cầu HS xem clip và đọc thông tin trong SGK để trả lời các câu hỏi:
 - + Di tích Cổ Loa bao gồm những di tích, công trình nào?
 - + Trình bày những nét khái quát về thành Cổ Loa dựa trên sơ đồ 2.1.
 - + Nêu ý nghĩa của việc xây dựng thành Cổ Loa thời An Dương Vương.
 - + Phân tích giá trị của khu di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ Cổ Loa.
- GV có thể tổ chức cho HS thảo luận theo cặp đôi hoặc theo nhóm, kết hợp với phương pháp tọa đàm để hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung này.

Một số trang web để GV và HS tham khảo:

Ban Quản lí khu di tích Cổ Loa: <https://thanhcoloa.vn/>

Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long – Hà Nội:

<https://www.hoangthanhthanglong.vn/blog/category/thanh-co-loa>

Một số thông tin thêm cho HS:

Khu di tích Cổ Loa nằm trên địa phận ba xã Cổ Loa, Dục Tú và Việt Hùng thuộc huyện Đông Anh, cách trung tâm thủ đô Hà Nội khoảng 17km về phía bắc. Khác với các di tích lịch sử khác, Cổ Loa là một quần thể di tích có diện tích trải rộng trên một địa bàn rộng lớn, có diện tích bảo tồn gần 500 ha. Khu di tích này được coi là địa chỉ văn hóa đặc biệt của thủ đô và cả nước.

Thành Cổ Loa được xây dựng kiểu vòng ốc (nên gọi là Loa thành). Tương truyền có tới 9 vòng, dưới thành ngoài là hào sâu ngập nước thuyền bè đi lại được. Ngày nay, ở Cổ Loa còn lại 3 vòng thành đất, dài tổng cộng 16 km: Vòng ngoài (thành Ngoại) chu vi 8 km, vòng giữa (thành Trung) hình đa giác có chu vi 6,5 km và vòng trong cùng (thành Nội) hình chữ nhật có chu vi 1,6 km.

Thành Cổ Loa gắn liền với những truyền thuyết của dân tộc Việt về việc vua An Dương Vương định đô, xây thành; về chiếc nỏ thần Kim Quy bắn một phát hạ hàng trăm tên giặc; về mối tình bi thương và cảm động của Mị Châu – Trọng Thủy... Từ bao đời nay, ngôi thành cổ này cùng với những nhân vật lịch sử được huyền thoại hóa đã đi vào tiềm thức của người dân Việt Nam.

Cổ Loa ngày nay không chỉ là một di sản văn hóa, một bằng chứng về sự sáng tạo, về trình độ kỹ thuật cũng như văn hóa của người Việt cổ trong công cuộc giữ nước và chống ngoại xâm, mà nó còn là một điểm đến lí tưởng cho các du khách thập phương muốn khám phá những giá trị văn hóa, những hình ảnh quen thuộc của một làng quê Bắc Bộ thanh bình.

** Hoạt động 2:* Thảo luận nhóm về những bảo vật quốc gia ở Hà Nội thời kì văn hoá Đông Sơn

– GV hình thành cho HS khái niệm “Bảo vật quốc gia” thông qua thuyết trình, lấy ví dụ minh họa.

– GV chia lớp thành ba nhóm được phân công nhiệm vụ ít nhất một tuần trước tiết học. Nhiệm vụ của mỗi nhóm là tìm hiểu một bảo vật quốc gia:

- + Nhóm 1: Tìm hiểu về Trống đồng Hoàng Hạ;
- + Nhóm 2: Tìm hiểu về trống đồng Cổ Loa và bộ sưu tập lưỡi cày đồng;
- + Nhóm 3: Sưu tập khuôn đúc Cổ Loa.

Các nhóm tìm hiểu về nội dung được phân công theo phiếu học tập:

PHIẾU HỌC TẬP 1 Tên bảo vật quốc gia Nơi phát hiện: Niên đại: Các đặc điểm chính: Ý nghĩa/giá trị của bảo vật: Năm công nhận Bảo vật quốc gia: Các câu chuyện liên quan: Hình ảnh/tranh vẽ:
--

– Về hình thức trình bày, GV khuyến khích các cách trình bày sáng tạo của HS. HS có thể lựa chọn trình bày thông qua sơ đồ tư duy, làm poster, tranh vẽ, bộ sưu tập ảnh kèm thuyết minh,...

– Đến ngày thuyết trình, các nhóm sẽ lần lượt trình bày sản phẩm của mình.

– GV tổ chức cho HS thảo luận, nhận xét, phản hồi để tìm hiểu sâu hơn về các bảo vật quốc gia ở Hà Nội trong giai đoạn này.

Một số trang web để GV và HS tham khảo:

Cục Di sản văn hóa: <http://dsvh.gov.vn/>

Bảo tàng Lịch sử quốc gia: <https://baotanglichsu.vn/>

Ban Quản lí khu di tích Cổ Loa: <https://thanhcoloa.vn/>

Thông tin thêm cho HS:

Bảo vật quốc gia là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị đặc biệt quý hiếm tiêu biểu của đất nước về lịch sử, văn hóa, khoa học (Luật Di sản văn hóa 2013).

Bảo vật quốc gia là những hiện vật có giá trị đặc biệt về văn hóa, lịch sử được Nhà nước Việt Nam bảo vệ và bảo quản theo chế độ riêng biệt. Việc công nhận danh hiệu Bảo vật quốc gia phải do Thủ tướng Chính phủ quyết định sau khi có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia.

Bảo vật quốc gia phải có các tiêu chí sau đây:

– Là hiện vật gốc độc bản;

– Là hiện vật có hình thức độc đáo;

– Là hiện vật có giá trị đặc biệt liên quan đến một sự kiện trọng đại của đất nước hoặc liên quan đến sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân tiêu biểu; hoặc là tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng về giá trị tư tưởng, nhân văn, giá trị thẩm mỹ tiêu biểu cho một khuynh hướng, một phong cách, một thời đại; hoặc là sản phẩm được phát minh, sáng chế tiêu biểu, có giá trị thực tiễn cao, có tác dụng thúc đẩy xã hội phát triển ở một giai đoạn lịch sử nhất định; hoặc là mẫu vật tự nhiên chứng minh cho các giai đoạn hình thành và phát triển của lịch sử Trái đất, lịch sử tự nhiên.

Trống đồng Hoàng Hạ:

Ngày 13/7/1937, nhân dân xóm Nội, thôn Hoàng Hạ (nay là xã Văn Hoàng), huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, trong lúc đào mương lấy nước, tình cờ đào được một chiếc trống đồng ở độ sâu 1,5 m dưới lòng đất. Đây là chiếc trống đồng rất đẹp, các nhà khoa học chuyên ngành Mĩ thuật, Lịch sử và Khảo cổ xếp hạng chiếc trống này vào hàng “Á hậu Đông Sơn”. Nghĩa là, nó chỉ đứng sau trống đồng Ngọc Lũ và cũng vì thế mà Trống có tên gọi là trống đồng Hoàng Hạ.

Trống đồng Hoàng Hạ là một trong những chiếc trống đồng Đông Sơn có kích thước lớn, cao 61,5 cm, đường kính mặt 79 cm. Về hình dáng và kích thước tương tự như trống Ngọc Lũ. Hoa văn phong phú và cũng gồm hai loại là hoa văn hình học và hình khắc người, động vật và vật thể. Trên mặt trống, ở chính giữa có hình ngôi sao nổi với 16 cánh (trong khi đó trống Ngọc Lũ chỉ có 14 cánh). Xen kẽ giữa các cánh sao là những họa tiết trang trí kiểu lông công. Bao quanh ngôi sao là 15 vành hoa văn. Ngoài những hoa văn tương tự như hoa văn trên trống Ngọc Lũ là các chấm nhỏ thẳng hàng, chữ gậy nối tiếp, vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến song song, hoa văn hình răng cưa... còn có thêm vành hoa văn hình xoắn ốc và vòng tròn đồng tâm ở vành thứ 7 từ trong ra ngoài. Hình khắc người và động vật thì không có vành hươu nai, chim bay xen kẽ.

Trống đồng Hoàng Hạ là chứng tích lịch sử lập làng, dựng nước của tổ tiên người dân Phú Xuyên nói riêng, người dân Thăng Long – Hà Nội và cả nước nói chung. Trống đồng Hoàng Hạ khi đào lên còn rất nguyên vẹn, người Pháp đưa ngay về để bảo quản và trưng bày trong nhà Bảo tàng Bác Cổ nay là Bảo tàng Lịch sử Việt Nam từ ngày đó đến nay.

Trống đồng Cổ Loa và Bộ sưu tập lưỡi cày đồng

Trống đồng Cổ Loa: Được phát hiện năm 1982 tại khu Mả Tre, thuộc xóm Chợ, nằm về phía tây nam Cửa Nam thành Cổ Loa, lọt giữa 02 vòng thành Trung và thành Nội. Trống được chôn ngầm, bên trong chứa hơn 200 hiện vật bằng đồng gồm: một phần mặt trống nhỏ, lưỡi cày, xẻng, cuốc, rìu, giáo, dao găm, mũi tên, thố, mảnh thạp, tiền, mảnh vụn đồng... có niên đại cách ngày nay trên 2 000 năm.

Trống đồng Cổ Loa cùng nhóm trống đồng Ngọc Lũ, Hoàng Hạ, Sông Đà là những trống có hình dáng, hoa văn đẹp nhất và cổ nhất ở Việt Nam. Đặc biệt, đây là chiếc trống đồng Đông Sơn được phát hiện đầu tiên trong thành Cổ Loa có khắc minh văn chữ Hán.

Hoa văn trang trí giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 14 cánh, họa tiết lông công xen giữa các cánh. Vành hoa văn số 6 (tính từ trong ra ngoài) chia thành hai nửa giống nhau, mỗi nửa đều có khắc họa hình người hóa trang, mái nhà cong hình thuyền có chim đậu trên nóc, trong nhà có một cặp nam nữ ngồi đối diện nhau, một đầu nhà có hình trống đồng đặt nghiêng, đầu kia có người ngồi co gối đánh trống, mô tả lễ hội cầu mùa của cư dân nông nghiệp.

Lưỡi cày đồng: Là một trong những di vật tiêu biểu và độc đáo của văn hóa Đông Sơn. Sự có mặt của lưỡi cày đồng với số lượng nhiều ở trong lòng trống Cổ Loa là một minh chứng chắc chắn cho việc người Hà Nội xưa đã biết cày ruộng và có thể đã biết sử dụng động vật để kéo cày.

Sưu tập khuôn đúc Cổ Loa

Sưu tập khuôn đúc Cổ Loa là những khuôn đúc ba mang và khuôn đúc hai mang, gồm 11 hiện vật, trong đó có 10 hiện vật là mang khuôn đúc mũi tên đồng ba cạnh và 1 hiện

vật là mang khuôn đúc mũi lao đồng hình cánh én. Niên đại thuộc văn hóa Đông Sơn – sơ kì thời đại đồ sắt, thế kỉ III – II trước Công nguyên.

Sưu tập khuôn đúc cùng với phát hiện kho mũi tên đồng ở Cầu Vực năm 1959 và trống đồng Cổ Loa ở Mả Tre năm 1982 là ba hiện tượng khảo cổ nổi tiếng ở Cổ Loa, đều liên quan tới nhau, phản ánh hai thành tựu nổi bật của Nhà nước Âu Lạc, đó là phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và phòng thủ chống giặc ngoại xâm bảo vệ vững chắc Nhà nước non trẻ.

3.3. Luyện tập

a) Mục đích

HS củng cố lại kiến thức, mở rộng hiểu biết thông qua việc tìm hiểu các vấn đề liên quan đến những di sản văn hoá vật thể tiêu biểu ở Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X.

b) Gợi ý hoạt động

** Hoạt động 1:* So sánh trống đồng Hoàng Hạ và trống đồng Cổ Loa

– GV chia cả lớp thành 3 đội chơi. Các đội có 5 phút chuẩn bị để tìm hiểu về trống đồng Hoàng Hạ và trống đồng Cổ Loa.

– Hết thời gian chuẩn bị, đại diện các đội chơi sẽ cùng lên bảng viết tắt cả các đặc điểm giống và khác nhau của trống đồng Hoàng Hạ và trống đồng Cổ Loa trong thời gian 3 phút.

– Sau đó, mỗi đội cử đại diện để nhận xét về kĩ thuật đúc đồng và trình độ thẩm mĩ của người Việt cổ. Mỗi đội có 3 phút để trình bày.

– Đội nào liệt kê được nhiều đặc điểm giống và khác nhau hơn, nhận xét tốt hơn sẽ giành chiến thắng.

** Hoạt động 2:* Thảo luận về giá trị của Di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ Cổ Loa.

– GV giao nhiệm vụ cá nhân cho HS tìm hiểu về giá trị của Di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ Cổ Loa trong vòng 5 phút. HS cần làm rõ Di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ Cổ Loa phản ánh những điều gì về lịch sử, văn hoá của cư dân Việt cổ ở vùng đất Hà Nội.

– Hết thời gian 5 phút, GV yêu cầu HS chia sẻ phần HS tìm hiểu được theo cặp đôi về giá trị của Di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ Cổ Loa.

– Sau khi các cặp đôi trao đổi, GV tổ chức trao đổi, đàm thoại với cả lớp để giải đáp, khắc sâu thêm nội dung của bài học.

3.4. Vận dụng

a) Mục đích

– HS vận dụng được những kiến thức đã học trong bài để giải quyết các nhiệm vụ học tập.

– HS tiếp tục rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình liên quan đến kiến thức đã học trong chủ đề, thực hiện được các hoạt động và trải nghiệm phù hợp với bản thân trong cuộc sống.

b) Gợi ý hoạt động

* *Hoạt động 1:* Mô tả đời sống vật chất và tinh thần của người Hà Nội (từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X) thông qua các di sản văn hoá vật thể tiêu biểu

– GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động này ở nhà.

– Đến buổi học, GV chọn một số HS đọc phần mô tả trước lớp.

– GV tổ chức cho HS nhận xét, phản hồi.

* *Hoạt động 2:* Giới thiệu một di sản văn hoá vật thể ở nơi em sống

GV giao nhiệm vụ về nhà cho mỗi HS: Vẽ sơ đồ tư duy, vẽ tranh hoặc làm bộ sưu tập tranh/ảnh để giới thiệu một di sản văn hoá vật thể ở nơi em sống theo gợi ý trong phiếu học tập:

PHIẾU HỌC TẬP 2

Tên di sản văn hóa vật thể

– Địa bàn:

– Thời gian hình thành/niên đại:

– Những đặc điểm tiêu biểu:

– Giá trị của di sản (ý nghĩa về lịch sử, văn hoá, kiến trúc,...):

– Tranh/ảnh liên quan:

– Đến buổi học, GV yêu cầu HS treo sản phẩm xung quanh lớp học để cả lớp cùng xem và thảo luận (kỹ thuật phòng tranh). Hoạt động này cũng có thể thực hiện như một hoạt động tổng kết và đánh giá bài học.

– GV tổ chức cho HS nhận xét và phản hồi, tuyên dương các sản phẩm tiêu biểu, sáng tạo của HS.

3.5. Tổng kết và đánh giá (3–5 phút)

– Hoạt động phòng tranh trong phần vận dụng có thể kết hợp thành hoạt động tổng kết và đánh giá.

– GV cũng có thể yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi ngắn để tổng kết và đánh giá bài học. Minh họa một số câu hỏi:

- + Kể tên một số di tích, di chỉ khảo cổ ở Cổ Loa.
- + Kể tên các bảo vật quốc gia ở Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X.

Chủ đề 3

HỌC SINH HÀ NỘI GÓP PHẦN XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VĂN HOÁ

1. MỤC TIÊU

- Nêu được vai trò của xây dựng Gia đình văn hoá đối với cá nhân, gia đình và xã hội.
- Xác định được trách nhiệm của bản thân để góp phần xây dựng Gia đình văn hoá.
- Nêu được những hành động, cách ứng xử của học sinh để xây dựng Gia đình văn hoá ở Hà Nội.
- Phát huy những giá trị tốt đẹp trong gia đình để thực hiện phong trào xây dựng Gia đình văn hoá.

2. CHUẨN BỊ

2.1. Chuẩn bị của giáo viên

– Nghị định số 122/2018/NĐ–CP ngày 31/7/2017 về việc xét tặng “Gia đình văn hoá”, “Thôn văn hoá”, “Làng văn hoá”, “Ấp văn hoá”, “Bản văn hoá”, “Tổ dân phố văn hoá”.

– Một số hình ảnh về gia đình ở Hà Nội (gia đình hạt nhân – gia đình hiện đại, chỉ có 2 thế hệ; gia đình truyền thống – gia đình có từ 3 thế hệ trở lên).

– Một số hình ảnh về ứng xử giữa các thành viên trong gia đình và ứng xử của các thành viên gia đình với cộng đồng.

– Giấy A0, bảng phụ, nam châm/băng dính.

– Máy chiếu và bài giảng Powerpoint (nếu có).

2.2. Chuẩn bị của học sinh

– Đồ dùng học tập: bút, giấy.

– Thông tin, hình ảnh thể hiện nét thanh lịch, văn minh của người Hà Nội.

– Tài liệu *Giáo dục địa phương thành phố Hà Nội lớp 6*.

3. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG

3.1. Mở đầu: Nhận xét về nếp sống của gia đình bạn Lan.

a) Mục đích

HS nhận xét được những thói quen về sinh hoạt như: cách ứng xử, giao tiếp, các hoạt động,... thường ngày của từng thành viên trong gia đình Lan trong mối quan hệ với các cá nhân khác trong gia đình và cộng đồng.

b) Gợi ý hoạt động

– GV hướng dẫn HS nhận xét gia đình Lan là gia đình hạt nhân – gia đình hiện đại (chỉ có 2 thế hệ) hay gia đình truyền thống – gia đình có từ 3 thế hệ trở lên.

– GV hướng dẫn HS kẻ bảng nhận xét các thói quen sinh hoạt của các thành viên trong gia đình Lan để phân đấu trở thành gia đình văn hoá theo các nhóm: ví dụ: ứng xử giữa các thành viên trong gia đình; hoạt động thường ngày (lao động, học tập, thể dục thể thao,...); ứng xử của các thành viên trong gia đình và cộng đồng;...

Gợi ý:

- Gia đình Lan là gia đình truyền thống, có 3 thế hệ cùng chung sống: ông, bà nội; bố, mẹ; Lan và em trai.
- Các thói quen sinh hoạt của gia đình Lan để phân đấu trở thành gia đình văn hoá:
 - + Ứng xử giữa các thành viên trong gia đình: gia đình Lan sống hoà thuận, yêu thương, gần gũi, chăm sóc lẫn nhau.
 - + Hoạt động thường ngày của các thành viên trong gia đình:
 - Lao động, công tác: Ông, bà Lan mở cửa hàng thuốc tại nhà; bố, mẹ Lan làm việc tại Bệnh viện Nhi Hà Nội.
 - Học tập: Lan và em Lan đều đến trường.
 - Thể dục, thể thao: cả nhà thường xuyên luyện tập thể thao, cùng nhau đạp xe để rèn luyện sức khoẻ.
 - Tiếp cận thông tin: xem tivi, đọc báo.

+ Ứng xử của các thành viên trong gia đình với cộng đồng: các thành viên cư xử lịch sự, thân thiện, sẵn sàng giúp đỡ hàng xóm xung quanh; tham gia hoạt động vệ sinh môi trường nơi ở; tích cực tham gia hoạt động cộng đồng.

– GV có thể giới thiệu với HS về: các mô hình gia đình ở Việt Nam hiện nay, sự khác biệt giữa gia đình hạt nhân và gia đình truyền thống.

– GV đặt thêm câu hỏi: Gia đình em là gia đình hạt nhân hay gia đình truyền thống? Hãy kể về nếp sống của gia đình em?

Gợi ý: Nếp sống là cách thức sống (ăn, mặc, ở, sinh hoạt, ứng xử, giao tiếp,...) trong quan hệ thường ngày giữa các cá nhân trong gia đình và cộng đồng. Xây dựng nếp sống bao gồm 3 mảng: nếp sống của cá nhân, nếp sống của gia đình, nếp sống của cộng đồng xã hội.

3.2. Kiến thức mới

a) Mục đích

– HS xác định được mục đích của việc phong tặng danh hiệu Gia đình văn hoá, phong trào xây dựng Gia đình văn hoá.

– Nắm được các tiêu chuẩn cơ bản của Gia đình văn hoá.

– Nêu được những hành động, cách ứng xử của HS để xây dựng Gia đình văn hoá ở thành phố Hà Nội.

b) Gợi ý hoạt động

* *Hoạt động 1:* Đọc thông tin, quan sát các hình ảnh và thảo luận để xác định các tiêu chuẩn của Gia đình văn hoá và nêu nội dung các tiêu chuẩn đó

– GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin để xác định các tiêu chuẩn của Gia đình văn hoá.

– GV hoặc 1 HS viết các câu trả lời lên bảng và kết luận.

Gợi ý:

– Đáp án của hoạt động 1: Các tiêu chuẩn của Gia đình văn hoá:

+ Tiêu chuẩn về gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng; pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương nơi cư trú;

+ Tiêu chuẩn về gia đình hoà thuận, hạnh phúc, tiến bộ; tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng;

+ Tiêu chuẩn về tổ chức lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác, học tập đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả.

(GV tham khảo nội dung của các tiêu chuẩn trong Tài liệu Giáo dục địa phương TP Hà Nội lớp 6 trang 18, 19 hoặc Nghị định số 122/2018/NĐ–CP ngày 17/9/2018 về việc xét tặng “Gia đình văn hoá”, “Thôn văn hoá”, “Làng văn hoá”, “Ấp văn hoá”, “Bản văn hoá”, “Tổ dân phố văn hoá”.

– Đáp án của hoạt động 2:

GV có thể tham khảo một số thông tin sau:

“Nói đến nếp nhà là nói đến văn hóa, giao tiếp, ứng xử trong gia đình. Người Hà Nội coi trọng nền nếp, gia phong của gia đình bởi đó là một cái nôi tạo dựng các thế hệ tương lai cho đất nước. Ở đó, cha mẹ, ông bà luôn là tấm gương mẫu mực cho con cháu noi theo.

Mô hình gia đình truyền thống Hà Nội xưa hiện nay còn tồn tại ở những khu phố cổ Hà Nội hay ở một số làng cổ ngoại thành ven đô với nhiều thế hệ chung sống với nhau gọi là Tam đại đồng đường, Tứ đại đồng đường...

Theo Nhà nghiên cứu văn hoá Giang Quân, ở những gia đình có truyền thống này, họ giáo dục con cháu bài bản, nghiêm khắc, dạy từng “lời ăn, tiếng nói”, văn hóa ứng xử làm người.

Trước hết là ở lời nói. Người Hà Nội dùng ngôn ngữ chuẩn xác, thanh âm mẫu mực, không quen những từ thô tục, sỗ sàng. Họ biết nhún mình, tôn trọng người khác, mềm mỏng mà không thối lợ, tài hoa mà không khoe khoang, biết rộng mà không làm cao, biết “lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”.

Trong cách ăn mặc, họ cũng dạy con cháu hết sức lịch sự. Trang phục, trang sức ưa sự gọn gàng, trang nhã, tề chỉnh, cách tân tinh tế, đủ độ lộng lẫy, kiêu sa. Họ có thể thích diện, thích đổi mới làm đẹp cho mình nhưng không cầu kì, khoe của và biết nâng cái đẹp đồng hành với cái nết. Người xưa ra đường là áo dài chỉnh tề. Khách đến chơi, chủ nhà giữ lễ tôn trọng, lui vào thay đồ tươm tất mới ra tiếp.

Con gái Hà Nội thì được cha mẹ dạy bảo “công, dung, ngôn, hạnh”, giữ đủ nét e lệ, dịu dàng, ý tứ, từ dáng đứng, bước đi, nụ cười, ánh mắt, thân mật nhưng không sàm sỡ, té nhị mà không gò bó. Đặc biệt, con gái Hà Nội phải biết khâu vá, thêu thùa, nấu ăn.

Trong mỗi gia đình dù khá giả hay bình dân đều giữ được tôn ti trật tự, trên dưới rõ ràng. Tất cả vào khuôn phép rất tự nhiên, ví như vị trí ngồi quanh mâm cơm, thứ tự lời mời chào trước khi ăn, cách nhường nhịn nhau ngay trong bữa ăn tạo nên những nguyên tắc

“trên kính, dưới nhường”. Người ngoài nhìn vào dễ cho là khách sáo, hình thức, nhưng những thành viên trong một nếp nhà thấy rất tự nhiên.

Người Hà Nội rất sành trong ăn uống, nâng cách ăn, cách nấu thành nghệ thuật ẩm thực. Món ăn mặn, ngọt, chua, cay đều vừa độ, gia vị đầy đủ, nước chấm, nước canh khéo chế. Bữa ăn ngon từ cách xếp mâm, bày đĩa, lên cỗ. Họ ăn lấy ngon để nhớ mãi chứ không ăn lấy no căng bụng. Vào mâm, họ biết trọng già, quý trẻ, nhường món ngon tiếp cho khách, cách ăn cũng từ tốn, thong thả, rượu uống từng ngụm, không dốc cả cốc to, không làm ầm ĩ.

Từ những nét văn hóa truyền thống này, các gia đình Hà Nội xưa dạy bảo con cái những cốt cách của người Thủ đô, sống có nền nếp, giữ cho mái ấm tình thương, xóm làng hòa thuận, vợ chồng hạnh phúc. Những nếp nhà Hà Nội này đã để lại một hệ thống văn hóa ứng xử, giáo dục lối sống làm người chăm chỉ, cần cù nhẫn nại, biết tôn ti trật tự, hành xử văn hóa: “Đói cho sạch, rách cho thơm”, “Giấy rách phải giữ lấy lề”, “Ăn trông nồi, ngồi trông hướng”, “Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ”...”

Trích: Đỗ Thị Văn Minh, “*Nếp nhà người Hà Nội: Vẫn còn đó những giá trị tốt đẹp*”, Báo Lao động Thủ đô ngày 31/5/2019, đường dẫn: <https://laodongthudo.vn/nep-nha-nguoi-ha-noi-van-con-do-nhung-gia-tri-tot-dep-91950.html>.

*** Hoạt động 2:** Thảo luận về những biểu hiện thanh lịch, văn minh của người Hà Nội (chia HS thành nhóm nhỏ 5–6 HS).

Gợi ý:

– GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm về biểu hiện thanh lịch, văn minh của người Hà Nội mà HS quan sát được hoặc được thể hiện trong thông tin, hình ảnh HS đã sưu tầm được.

+ GV tổ chức cho các nhóm cùng trao đổi với nhau.

+ GV hoặc 1 HS viết câu trả lời lên bảng.

– GV tổ chức cho từng nhóm HS đóng kịch diễn tả tình huống thể hiện cách ăn, mặc, ở, sinh hoạt, ứng xử, giao tiếp,... của người Hà Nội mà HS quan sát được. Các nhóm còn lại nhận xét về nét thanh lịch, văn minh của người Hà Nội trong tình huống đó và ghi lại trên bảng.

*** Hoạt động 3:** Chia sẻ về nếp sống đẹp của một thành viên trong gia đình có ảnh hưởng đến em.

– GV hướng dẫn HS làm Phiếu học tập và trình bày trước lớp.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Câu hỏi	<i>Chia sẻ về nếp sống đẹp của một thành viên trong gia đình có ảnh hưởng đến em.</i>
Thành viên đó là ai?	
Nếp sống đẹp của thành viên đó?	
Nếp sống đó có ảnh hưởng đến em như thế nào?	

** Hoạt động 4:* Em có thể làm gì để góp phần xây dựng gia đình mình trở thành Gia đình văn hoá ở thành phố Hà Nội.

– GV chia lớp thành 5–6 nhóm, phát phiếu học tập và phổ biến cách thức hoạt động: các nhóm thảo luận và đưa ra ý kiến theo gợi ý trong phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Câu hỏi	<i>Em có thể làm gì để góp phần xây dựng gia đình mình trở thành Gia đình văn hoá ở thành phố Hà Nội.</i>
	Hành động em sẽ thực hiện để góp phần xây dựng gia đình mình trở thành Gia đình văn hoá ở thành phố Hà Nội.
Góp phần thực hiện các tiêu chuẩn của Gia đình văn hoá	
Trở thành người Hà Nội thanh lịch, văn minh.	

3.3. Luyện tập

a) Mục đích

HS củng cố lại kiến thức, mở rộng hiểu biết thông qua việc tìm hiểu các hành động để góp phần xây dựng Gia đình văn hoá.

b) Gợi ý hoạt động

** Hoạt động 1:* Lựa chọn những việc HS có thể làm để góp phần xây dựng Gia đình văn hoá

Gợi ý hoạt động:

– GV hướng dẫn HS kể tên các hành động được thể hiện trong các hình ảnh được giới thiệu. Các lựa chọn đúng là: 3.4, 3.5, 3.6, 3.8, 3.9.

– GV có thể đưa thêm các hình ảnh khác để HS nêu tên hành động và lựa chọn hành động nên và không nên để góp phần xây dựng Gia đình văn hoá.

** Hoạt động 2:* Nhận xét về những hành động sau đây và đưa ra giải pháp giúp các bạn điều chỉnh hành vi để phù hợp với nếp sống của Gia đình văn hoá ở thành phố Hà Nội.

– GV hướng dẫn HS đọc tình huống được đưa ra và tìm kiếm giải pháp điều chỉnh hành vi phù hợp cho nhân vật trong tình huống.

Gợi ý:

– *Tình huống 1:* Lan không nên để túi rác ở ngoài cổng nhà vì sẽ gây ô nhiễm và mất mỹ quan khu dân cư. Lan có thể mang túi rác ra vứt vào thùng rác chung của khu dân cư để ngày hôm sau xe vệ sinh môi trường đi thu gom.

– *Tình huống 2:* Hiếu có thể tự mình hoặc nhờ bố, mẹ, bảo vệ hoặc lễ tân toà nhà góp ý nhẹ nhàng với người hàng xóm về thói quen bật nhạc to.

– GV có thể đưa thêm các hình huống để HS nhận xét và tìm giải pháp điều chỉnh.

3.4. Vận dụng

a) Mục đích

– HS hình thành kỹ năng trình bày, nói lên suy nghĩ, cảm nhận của mình liên quan đến kiến thức, kỹ năng đã học trong chủ đề;

– Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch cho các hoạt động trải nghiệm. Thực hiện được các hoạt động và trải nghiệm phù hợp với bản thân trong cuộc sống.

b) Gợi ý hoạt động

* *Hoạt động 1*: Tạo một video để giới thiệu với các bạn về gia đình em và kể lại những việc mà các thành viên trong gia đình đã làm để góp phần xây dựng Gia đình văn hoá ở thành phố Hà Nội.

GV khuyến khích HS tạo video và chia sẻ trước lớp.

* *Hoạt động 2*: Xác định những điều em thấy hài lòng và những điều em thấy cần sửa đổi về nếp sống của mình trong gia đình và cộng đồng. Hãy lập kế hoạch hoàn thiện nếp sống của bản thân để góp phần xây dựng Gia đình văn hoá.

– GV khuyến khích HS thực hiện và chia sẻ kế hoạch hoàn thiện nếp sống của bản thân.

– GV tổng kết chủ đề.

Chủ đề 4

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ SỰ THAY ĐỔI PHẠM VI HÀNH CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. MỤC TIÊU

- Xác định được vị trí địa lí và phạm vi hành chính của thành phố Hà Nội trên lược đồ/bản đồ.
- Kể tên và xác định được vị trí, ranh giới các đơn vị hành chính của thành phố Hà Nội trên bản đồ.
- Trình bày được sự thay đổi phạm vi hành chính thành phố Hà Nội ở một số mốc lịch sử từ năm 1954 đến nay.
- Nêu được ý nghĩa của vị trí địa lí và sự thay đổi phạm vi hành chính thành phố Hà Nội.

2. CHUẨN BỊ

2.1. Chuẩn bị của giáo viên

- Lược đồ các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng.
- Bản đồ hành chính thành phố Hà Nội.
- Một số hình ảnh/video về các đơn vị hành chính, sự thay đổi phạm vi hành chính của thành phố Hà Nội.
- Bảng thông tin, phiếu học tập.
- Giấy A0, bảng phụ, nam châm/băng dính.
- Máy chiếu và bài giảng Powerpoint (nếu có).

2.2. Chuẩn bị của học sinh

- Đồ dùng học tập: bút, hộp màu.

- Thông tin, hình ảnh/video về các đơn vị hành chính của thành phố Hà Nội.
- Tài liệu *Giáo dục địa phương thành phố Hà Nội lớp 6*.

3. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG

3.1. Mở đầu

Xác định vị trí của Hà Nội trong vùng Đồng bằng sông Hồng (5–7 phút).

a) Mục đích

- HS kể được tên các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng.
- HS xác định được trên lược đồ vị trí của thành phố Hà Nội trong vùng Đồng bằng sông Hồng.

b) Gọi ý hoạt động: cá nhân, hỏi – đáp, sử dụng lược đồ

- GV đưa ra lược đồ các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng và yêu cầu HS:
 - + Kể tên các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng.
 - + Xác định trên lược đồ vị trí của thành phố Hà Nội trong vùng Đồng bằng sông Hồng.

Lưu ý: GV có thể mở rộng (tùy đối tượng HS): Qua quan sát, thành phố Hà Nội có kích thước/diện tích như thế nào so với các tỉnh?

- HS xác định trên lược đồ.
- GV liên kết vào hoạt động Kiến thức mới.

3.2. Kiến thức mới

a) Mục đích

- HS xác định được vị trí địa lí và phạm vi hành chính của thành phố Hà Nội trên bản đồ.
- HS kể tên và xác định được vị trí, ranh giới các đơn vị hành chính của thành phố Hà Nội trên bản đồ.
- HS trình bày được sự thay đổi phạm vi hành chính của thành phố Hà Nội ở một số mốc lịch sử từ năm 1954 đến nay.
- HS nêu được ý nghĩa của vị trí và sự thay đổi phạm vi hành chính thành phố.

b) Gợi ý hoạt động

* *Hoạt động 1:* Xác định phạm vi hành chính của thành phố Hà Nội (cá nhân, sử dụng bản đồ).

– GV yêu cầu HS: Đọc thông tin và quan sát bản đồ hành chính thành phố Hà Nội, em hãy:

- + Chia sẻ về diện tích của thành phố.
- + Kể tên các quận, thị xã, huyện của thành phố.
- HS lên bảng trình bày trên bản đồ.
- HS khác nhận xét.
- GV kết luận.

Gợi ý: Thông tin bổ sung:

Bảng 1. Diện tích các đơn vị hành chính của thành phố Hà Nội năm 2020

<i>Stt</i>	<i>Đơn vị hành chính</i>	<i>Diện tích (km²)</i>	<i>Stt</i>	<i>Đơn vị hành chính</i>	<i>Diện tích (km²)</i>
Quận			15	Chương Mỹ	237,38
1	Ba Đình	9,21	16	Đan Phượng	78
2	Bắc Từ Liêm	45,32	17	Đông Anh	185,62
3	Cầu Giấy	12,32	18	Gia Lâm	116,71
4	Đống Đa	9,95	19	Hoài Đức	84,93
5	Hà Đông	49,64	20	Mê Linh	142,46
6	Hai Bà Trưng	10,26	21	Mỹ Đức	226,25
7	Hoàn Kiếm	5,29	22	Phú Xuyên	171,1
8	Hoàng Mai	40,32	23	Phúc Thọ	118,63
9	Long Biên	60,38	24	Quốc Oai	151,13
10	Nam Từ Liêm	32,19	25	Sóc Sơn	304,76

11	Tây Hồ	24,39	26	Thạch Thất	202,05
12	Thanh Xuân	9,09	27	Thanh Oai	123,87
Thị xã			28	Thanh Trì	63,49
13	Sơn Tây	117,43	29	Thường Tín	130,41
Huyện			30	Ứng Hòa	188,18
14	Ba Vì	423			

(Nguồn: Niên giám Thống kê thành phố Hà Nội năm 2020)

Bảng 2. Diện tích các tỉnh, thành thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2020

<i>TT</i>	<i>Các tỉnh, thành thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng</i>	<i>Diện tích (km²)</i>
1	Hà Nội	3 358,6
2	Vĩnh Phúc	1 235,9
3	Bắc Ninh	822,7
4	Hải Dương	1 668,2
5	Hải Phòng	1 561,8
6	Hưng Yên	930,2
7	Thái Bình	1 586,4
8	Hà Nam	861,9
9	Nam Định	1 668,6
10	Ninh Bình	1 386,8

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2020)

** Hoạt động 2:* Xác định vị trí địa lí (nhóm nhỏ 4 HS, sử dụng bản đồ, sắm vai)

– GV yêu cầu HS sử dụng lược đồ các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng và bản đồ hành chính thành phố Hà Nội để hoàn thành phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP

Dựa vào thông tin mục b và bản đồ hành chính thành phố Hà Nội, em hãy xác định:

- Vị trí của Hà Nội trong vùng Đồng bằng sông Hồng;
- Các tỉnh tiếp giáp:

	<i>Tên tỉnh tiếp giáp với thành phố Hà Nội</i>
Phía bắc	
Phía tây bắc	
Phía tây nam	
Phía đông bắc	
Phía đông nam	
Phía nam	

- Hệ tọa độ địa lí;
- Ý nghĩa của vị trí địa lí đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của thành phố Hà Nội.

– HS trong nhóm thảo luận, trao đổi và hoàn thành phiếu học tập (trong giấy A4 hoặc vở ghi).

– Các nhóm phân vai:

+ 1 nhân vật là người khách du lịch từ nơi khác đến tham quan Hà Nội, muốn tìm hiểu về vị trí của Hà Nội (người đặt câu hỏi theo các ý trong phiếu học tập).

+ 1 nhân vật là người Hà Nội: giới thiệu vị trí địa lí cho khách du lịch (người trả lời).

Lưu ý: HS trình bày, xác định trên bản đồ.

– Các nhóm lên trình diễn (số lượng nhóm tùy thực tế lớp học);

– HS khác nhận xét, bổ sung;

– GV kết luận.

Gợi ý:

	<i>Tên tỉnh tiếp giáp với thành phố Hà Nội</i>
Phía bắc	Vĩnh Phúc, Thái Nguyên
Phía tây bắc	Phú Thọ
Phía tây nam	Hòa Bình
Phía đông bắc	Bắc Giang, Bắc Ninh
Phía đông nam	Hung Yên
Phía nam	Hà Nam

*** Hoạt động 3:** Tìm hiểu sự thay đổi phạm vi hành chính của thành phố Hà Nội (nhóm, kỹ thuật triển lãm tranh)

– GV chia lớp thành 4 hoặc 6 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm:

+ Nhiệm vụ: Trình bày sự thay đổi phạm vi hành chính của thành phố Hà Nội qua một số mốc lịch sử: năm 1961, 1978, 1991, 2008. Ý nghĩa của mỗi lần thay đổi.

+ Hình thức: sơ đồ tư duy hoặc lập bảng,... trên giấy A0.

+ Thời gian hoàn thành phiếu: 15 phút.

+ Các nhóm dán kết quả lên bảng.

+ HS các nhóm lần lượt đi 1 vòng xem tất cả các sản phẩm của các nhóm, dùng bút khác màu viết nhận xét hoặc bổ sung vào sản phẩm cho nhóm, chấm điểm cho mỗi nhóm.

Tiêu chí nhận xét và chấm điểm:

- ✓ Hình thức trình bày: rõ ràng, sạch sẽ, khoa học, thẩm mỹ (5 điểm);
- ✓ Nội dung: chính xác, đầy đủ (5 điểm).

+ Đại diện một nhóm trình bày (vì các nhóm cùng làm một nội dung, nên chỉ cần một nhóm trình bày) – và có sự trao đổi với các nhóm khác dựa trên những nhận xét, bổ sung.

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV nhận xét và kết luận.

Lưu ý: Tùy vào thực tế lớp học, HS có thể gọi đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, nhóm khác nhận xét, bổ sung trực tiếp và chấm điểm.

3.3. Luyện tập

a) Mục đích

- HS củng cố lại kiến thức, mở rộng hiểu biết thông qua việc tìm hiểu các vấn đề liên quan đến phạm vi hành chính của thành phố qua các lần thay đổi.
- HS rèn luyện kỹ năng nhận xét bảng số liệu.

b) Gợi ý hoạt động: cặp đôi, thuyết trình

- GV đưa ra yêu cầu: Dựa vào bảng số liệu, em hãy nhận xét sự thay đổi diện tích của thành phố Hà Nội qua một số năm.

Gợi ý cho HS nhận xét:

- + Nhìn chung từ năm 1955 đến năm 2008 diện tích Hà Nội thay đổi như thế nào?
- + Nhận xét từng giai đoạn: 1955–1961; 1961–1979; 1979–1991; 1991–2008 tăng hay giảm? bao nhiêu lần?
- + Rút ra kết luận về các lần thay đổi phạm vi hành chính.
- HS các cặp tiến hành nhận xét.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV kết luận.

3.4. Vận dụng

a) Mục đích

- HS rèn luyện kỹ năng sử dụng bản đồ; kỹ năng tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ.
- HS liên hệ thực tế tại nơi mình đang sống.

b) Gợi ý hoạt động

** Hoạt động 1: Giới thiệu về vị trí và ranh giới tại quận/huyện/thị xã nơi em đang sống (cá nhân, thuyết trình)*

– GV yêu cầu HS: Xác định trên bản đồ hành chính thành phố Hà Nội: vị trí và ranh giới của quận/huyện/thị xã nơi em đang sống.

Gợi ý: HS chỉ trên bản đồ vị trí, khoanh vùng và kể tên các quận/huyện/thị xã tiếp giáp, diện tích. Có thể cho biết quận/huyện/thị xã nằm ở khu vực nào của Hà Nội (trung tâm/phía tây/phía nam/...).

– HS lên bảng xác định trên bản đồ.

– GV kết luận.

* *Hoạt động 2:* Tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ (cá nhân/cặp, sử dụng bản đồ)

– GV đưa ra bài tập và yêu cầu HS hoàn thành:

BÀI TẬP

Tỉ lệ bản đồ hành chính thành phố Hà Nội là 1 : 400 000. Khoảng cách đo được trên bản đồ từ Bưu điện Hà Nội đến trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Xuyên (huyện Phú Xuyên) là 9,5 cm. Bạn Hải tính được khoảng cách thực tế giữa 2 địa điểm trên là 38 km.

– Theo em, bạn Hải tính đúng hay sai? Vì sao?

– Tính khoảng cách thực tế giữa 2 địa điểm khác do em lựa chọn dựa vào tỉ lệ bản đồ hành chính thành phố Hà Nội đã cho.

– HS hoàn thành bài tập và chia sẻ kết quả.

– GV tổng kết.

Lưu ý:

✓ Đáp án: bạn Hải tính đúng.

✓ GV khuyến khích HS tính khoảng cách các địa điểm nào em thích.

3.5. Tổng kết và đánh giá (3–5 phút)

Cách thực hiện: làm việc cá nhân.

– GV trình chiếu bảng thông tin, yêu cầu mỗi cá nhân lựa chọn đáp án của mình trong vở.

– HS lần lượt chia sẻ kết quả.

– GV kết luận.

Điền đúng (Đ) hoặc sai (S) vào ô tương ứng:

Stt	Thông tin	Đúng (Đ)	Sai (S)
1	Hà Nội có diện tích lớn nhất trong vùng Đồng bằng sông Hồng.		
2	Thành phố gồm có 30 đơn vị hành chính, bao gồm 12 quận, 1 thị xã và 17 huyện.		
3	Hà Nội tiếp giáp với tỉnh Quảng Ninh ở phía bắc.		
4	Hà Nội là đầu mối giao thông quan trọng bậc nhất của cả nước nên dễ dàng giao lưu kinh tế – xã hội.		
5	Hà Nội tiếp giáp với Hà Nam ở phía nam.		
6	Từ năm 1954 đến nay, thành phố Hà Nội trải qua 6 lần thay đổi phạm vi hành chính.		
7	Lần điều chỉnh năm 1961 là lần Hà Nội thu hẹp phạm vi hành chính.		
8	Lần điều chỉnh năm 1978 theo hướng mở rộng phạm vi đã giúp cho Hà Nội có thêm tiềm lực về diện tích, dân số, tạo điều kiện quan trọng cho Thủ đô.		
9	Hà Nội nằm ở vị trí trung tâm của vùng Đồng bằng sông Hồng nên thuận lợi cho việc trao đổi hàng hóa với các tỉnh trong vùng.		
10	Sơn Tây là thị xã duy nhất của thành phố Hà Nội.		

Đáp án: 1 – Đ, 2 – Đ, 3 – S, 4 – Đ, 5 – Đ, 6 – S, 7 – S, 8 – Đ, 9 – S, 10 – Đ



SẢN VẬT HÀ NỘI

1. MỤC TIÊU

- Nêu được tên các sản vật của thành phố Hà Nội.
- Trình bày được đặc trưng của một số sản vật Hà Nội.
- Nêu được vai trò của sản vật đối với sự phát triển của thành phố Hà Nội.
- Tuyên truyền, quảng bá sản vật của thành phố Hà Nội, góp phần thúc đẩy một số ngành kinh tế địa phương phát triển.

2. CHUẨN BỊ

2.1. Chuẩn bị của giáo viên

- Một số hình ảnh/video, câu ca dao, dân ca về các sản vật của Hà Nội.
- Phiếu học tập.
- Giấy A0, bảng phụ, nam châm/băng dính.
- Máy chiếu và bài giảng Powerpoint (nếu có).

2.2. Chuẩn bị của học sinh

- Đồ dùng học tập: bút, hộp màu.
- Thông tin, hình ảnh, ca dao, dân ca về các sản vật sưu tầm được.
- Tài liệu *Giáo dục địa phương thành phố Hà Nội lớp 6*.

3. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG

3.1. Mở đầu: Chia sẻ những điều đã biết về sản vật của Hà Nội (5–7 phút).

a) Mục đích

- HS nêu được tên một số sản vật ở Hà Nội thông qua những câu ca dao, dân ca.

- HS đọc được những câu ca dao, dân ca khác về sản vật của Hà Nội.
- HS chia sẻ những hiểu biết về một số sản vật của Hà Nội.

b) Gọi ý hoạt động: cá nhân, hỏi – đáp.

* GV đưa ra một số câu ca dao, dân ca về sản vật Hà Nội và yêu cầu HS:

- Đọc từng câu ca dao, dân ca và xác định đây là sản vật nào của Hà Nội?
- HS trả lời.

* GV đặt thêm câu hỏi:

– Em hãy đọc lên những câu ca dao, dân ca khác nói về sản vật nổi tiếng của Hà Nội.

- HS trả lời.

Gợi ý: Một số câu ca dao, dân ca về sản vật Hà Nội như:

“Cốm Vòng thơm mãi bàn tay

Đi xa Hà Nội nhớ ngày cốm thơm”

“Vải Quang, húng Láng, ngổ Dâm

Cá rô đầm Sét, sâm cầm Hồ Tây”

“Ngàn năm đặc sản đất Thăng Long,

Già Chèm, nem Vẽ có phải không?”

“Mề Trì thơm gạo tám xoan

Đục hương, dế cánh thóc vàng như tơ”

* GV khuyến khích HS:

- Chia sẻ hiểu biết của mình về các sản vật của Hà Nội.
- GV gợi ý cho HS chia sẻ về đặc trưng, nguyên liệu chế biến, cách thưởng thức, là sản phẩm của ngành nào?,...

- HS trả lời.
- GV kết luận và liên kết vào phần Kiến thức mới.

3.2. Kiến thức mới

a) Mục đích

- HS kể tên được một số sản vật của Hà Nội và xác định được địa danh của các sản vật.
- HS nêu được một vài nét chung về ẩm thực Hà Nội.
- HS trình bày được những nét đặc trưng của một số sản vật của Hà Nội.
- HS chứng minh được ý nghĩa/vai trò của các sản vật Hà Nội.

b) Gợi ý hoạt động

** Hoạt động 1:* Kể tên các sản vật của Hà Nội (đội/nhóm, cuộc thi)

- GV chia lớp thành 4 hoặc 6 đội, thành lập Ban Giám khảo (mỗi đội cử 1 người) và phổ biến thể lệ cuộc thi:

- + Trong thời gian 5 phút (hoặc 7 phút) các đội hãy: Kể tên các sản vật của Hà Nội.
- + Các đội viết ra giấy A3.
- + Hết thời gian thì dán lên bảng.
- + Tổ trọng tài chấm điểm (chính xác, số lượng) và công bố kết quả.
- HS các đội thực hiện cuộc thi.
- GV kết luận và trao thưởng cho đội chiến thắng.

** Hoạt động 2:* Nêu đặc điểm về ẩm thực Hà Nội (cá nhân, hỏi – đáp)

- GV yêu cầu HS: Hãy nêu một vài nét chung về ẩm thực Hà Nội.
- HS trả lời.
- GV nhận xét, kết luận.

** Hoạt động 3:* Tìm hiểu về một số sản vật và vai trò của sản vật Hà Nội (nhóm, thuyết trình).

- GV chia lớp thành 4 hoặc 6 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm:

+ Nhóm 1, 2: Tìm hiểu về nét đặc trưng của cam Canh, bưởi Diễn. Vai trò của sản vật đối với ẩm thực và kinh tế của Hà Nội.

+ Nhóm 3, 4: Tìm hiểu về nét đặc trưng của gà Mía. Vai trò của sản vật đối với ẩm thực và kinh tế của Hà Nội.

+ Nhóm 5, 6: Tìm hiểu về nét đặc trưng của đậu phụ Mơ. Vai trò của sản vật đối với ẩm thực và kinh tế của Hà Nội.

– Các nhóm trao đổi, thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ.

– Lần lượt từng cặp nhóm dán kết quả lên bảng. Chọn 1 trong 2 nhóm trình bày (vì các nhóm làm cùng một nhiệm vụ).

– Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận.

** Hoạt động 4:* Lựa chọn thông tin phù hợp về sản vật và địa danh (cặp đôi hoặc cặp 3, trò chơi)

– GV chia lớp thành các cặp và phổ biến trò chơi “Ai nhanh hơn”:

Hãy sắp xếp ô thông tin về sản vật với ô thông tin về địa danh sao cho phù hợp.

– HS thực hiện trò chơi: cặp nào sắp xếp nhanh nhất và chính xác nhất là cặp chiến thắng.

– GV kết luận.

Đáp án: 1 – a, 2 – g, 3 – d, 4 – b, 5 – e, 6 – c.

Lưu ý: GV chuẩn bị các ô thông tin và phát cho các cặp/đội chơi hoặc HS ghép theo số và chữ cái và viết trên mảnh giấy (có ghi tên đội chơi).

3.3. Luyện tập

a) Mục đích

HS củng cố lại kiến thức, mở rộng hiểu biết thông qua việc tìm hiểu các vấn đề liên quan đến sản vật Hà Nội (hình thức quảng bá, nguyên liệu chính).

b) Gợi ý hoạt động

** Hoạt động 1:* Liệt kê các hình thức quảng bá và giới thiệu sản vật của Hà Nội (cá nhân, kỹ thuật tia chớp).

– GV đưa ra yêu cầu: Liệt kê các hình thức quảng bá và giới thiệu sản vật mà thành phố Hà Nội đã thực hiện.

– HS lần lượt trả lời: mỗi HS trả lời 1 đáp án, câu trả lời của HS sau không lặp lại câu trả lời của HS trước.

– GV ghi câu trả lời của HS trên bảng và kết luận.

* *Hoạt động 2*: Kể tên các nguyên liệu chính để chế biến món ăn đặc sản của Hà Nội (nhóm).

– GV chia lớp thành 5 nhóm HS và yêu cầu: Kể tên các nguyên liệu chính để chế biến một số món ăn đặc sản của Hà Nội.

+ Nhóm 1: Nguyên liệu chính để làm ô mai Hàng Đường.

+ Nhóm 2: Nguyên liệu chính để làm bánh tôm Hồ Tây.

+ Nhóm 3: Nguyên liệu chính để làm bánh chè lam Thạch Xá.

+ Nhóm 4: Nguyên liệu chính để làm món chả cá Lã Vọng.

+ Nhóm 5: Nguyên liệu chính để làm món nem Phùng.

– HS hoàn thành nhiệm vụ trên giấy A3.

– Lần lượt các nhóm chuyển sản phẩm cho nhóm khác: nhóm 1 chuyển cho nhóm 2, nhóm 2 chuyển cho nhóm 3,... nhóm 5 chuyển cho nhóm 1. Tất cả các nhóm đều đọc được sản phẩm của các nhóm còn lại.

– Khi nhận được sản phẩm của nhóm khác, HS ghi lên phiếu nhận xét (có thể bổ sung ý còn thiếu).

– HS 5 nhóm dán sản phẩm lên bảng.

– Cả lớp nhận xét, tổng kết.

– GV kết luận.

Lưu ý: GV có thể khuyến khích HS chia sẻ gia vị kèm theo và nguyên liệu làm gia vị khi thưởng thức món ăn; hoặc yêu cầu HS tìm hiểu nguyên liệu của các món ăn đặc sản khác.

3.4. Vận dụng

a) Mục đích

– HS hình thành kỹ năng trình bày, chia sẻ hiểu biết, cảm nghĩ của mình liên quan đến kiến thức, kỹ năng đã học trong chủ đề.

– Rèn luyện kỹ năng trải nghiệm, viết văn của bản thân.

b) Gợi ý hoạt động

** Hoạt động 1:* Tìm hiểu, chia sẻ các món ăn được chế biến từ sản vật (cặp/nhóm, đóng vai)

– GV chia lớp thành các nhóm/cặp và yêu cầu HS: Tìm hiểu và chia sẻ các món ăn ăn tượng, hấp dẫn được chế biến từ sản vật hoặc cách ăn, gia vị đi kèm khi thưởng thức một sản vật của Hà Nội.

Hình thức chia sẻ của HS đa dạng và sáng tạo: thiết kế bản đồ, sơ đồ trên giấy A0, bộ sưu tầm ảnh, đóng vai, sử dụng một hình thức quảng bá, giới thiệu...

– HS chia sẻ.

– HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV kết luận.

Lưu ý: GV khuyến khích mỗi nhóm/cặp chia sẻ về một món ăn khác nhau. Ví dụ: các món ăn chế biến từ đậu phụ Mơ, từ gà Mía, từ cốm làng Vòng, vịt cỏ Vân Đình, ...

** Hoạt động 2:* Viết một đoạn văn ngắn chia sẻ cảm nghĩ về sản vật của Hà Nội (cá nhân, thuyết trình)

– GV yêu cầu HS: Tìm hiểu, thưởng thức và viết một đoạn văn ngắn chia sẻ cảm nghĩ của mình về một sản vật của Hà Nội.

– HS chia sẻ đoạn văn.

– GV tổng kết.

Lưu ý:

– GV có thể gộp hai hoạt động này làm một và sử dụng phương pháp dạy học dự án.

– HS làm việc nhóm để xây dựng dự án.

– GV phân HS thành các nhóm (mỗi nhóm 5–6 HS) và hướng dẫn các em cách thức hoạt động để thực hiện nhiệm vụ.

Nhóm trưởng điều hành các bạn trong nhóm làm việc thực hiện các nội dung sau:

1) Xác định tên dự án:

2) Nhóm thực hiện (ghi họ và tên các bạn trong nhóm):

3) Ngày thực hiện:

4) Mục tiêu dự án:

5) Lập kế hoạch dự án:

- Nội dung chuẩn bị:
- Phân công công việc:

6) Các bước thực hiện dự án:

7) Trình bày kết quả và đánh giá:

Các nhóm thảo luận, trao đổi ý kiến và đi đến việc:

- Thống nhất ý kiến trong nhóm về hình thức trình bày sản phẩm của dự án.
- Lựa chọn vị trí trong lớp học để trưng bày sản phẩm.
- Lần lượt đi quan sát các sản phẩm đã được trưng bày trong lớp học.
- GV gọi đại diện từng nhóm chia sẻ trước lớp về dự án của nhóm.

HS trong nhóm và các bạn nhóm khác lắng nghe và bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động của nhóm.

Gợi ý: Tùy theo sự lựa chọn của mỗi nhóm để có hình thức trình bày hợp lí.

	TÊN DỰ ÁN Nhóm thực hiện: Thời gian: Nội dung: – Tên sản vật: – Đặc trưng của sản vật: – Cách chế biến (hoặc các món ăn được chế biến từ sản vật): – Cách thưởng thức: – Cảm nghĩ về sản vật:

3.5. Tổng kết và đánh giá (3–5 phút)

Cách thực hiện: làm việc cá nhân.

– GV đặt câu hỏi:

+ Em đã thưởng thức được những sản vật nào của Hà Nội?

+ Em thích nhất sản vật nào? Vì sao?

– Một số HS chia sẻ trước lớp.

– GV nhận xét, đánh giá.

Chủ đề 6

CÁC NGHỀ TRUYỀN THỐNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. MỤC TIÊU

- Kể tên được một số nghề truyền thống ở thành phố Hà Nội.
- Trình bày được tình hình phát triển của một số nghề truyền thống ở thành phố Hà Nội.
- Nêu được giá trị của các nghề truyền thống ở thành phố Hà Nội.
- Xác định được những đặc điểm của bản thân phù hợp với nghề truyền thống yêu thích.
- Có ý thức giữ gìn và tuyên truyền, quảng bá nghề truyền thống của thành phố Hà Nội.

2. CHUẨN BỊ

2.1. Chuẩn bị của giáo viên

- Một số hình ảnh/video về nghề, làng nghề, phố nghề truyền thống của Hà Nội.
- Phiếu học tập.
- Giấy A0, bảng phụ, nam châm/băng dính.
- Máy chiếu và bài giảng Powerpoint (nếu có).

2.2. Chuẩn bị của học sinh

- Đồ dùng học tập: bút, hộp màu.
- Thông tin, hình ảnh/video về các nghề, làng nghề, phố nghề sưu tầm được (nếu có) để trưng bày trong lớp học.

- Sản phẩm dự án học tập.
- Tài liệu *Giáo dục địa phương thành phố Hà Nội lớp 6*.

3. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG

3.1. Mở đầu: Kể tên một số nghề truyền thống ở Hà Nội mà em đã biết (5–7 phút).

a) Mục đích

- HS nêu được tên một số nghề truyền thống ở Hà Nội thông qua hình ảnh.
- HS kể được tên một số nghề truyền thống tại địa phương nơi mình đang sống.

b) Gợi ý hoạt động: cá nhân/đội chơi, trò chơi “thử tài đoán nhanh”, hỏi – đáp.

** GV đưa ra một số hình ảnh về sản phẩm hoặc công việc tạo ra sản phẩm của một số nghề truyền thống ở Hà Nội và yêu cầu HS:*

Đặt tên cho mỗi hình ảnh sau theo gợi ý: Đây là những nghề truyền thống nổi tiếng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Lưu ý: GV có thể khai thác 4 hình ảnh trong SGK hoặc thu thập, bổ sung, thay thế các hình ảnh về nghề truyền thống khác ở Hà Nội. Số lượng hình ảnh đưa ra nhiều hay ít tùy thuộc vào thực tế lớp học.

– GV phổ biến trò chơi: đưa ra từng hình ảnh – trong vòng 10 giây HS đưa ra đáp án, ai trả lời nhanh nhất và đúng sẽ là người chiến thắng.

Hoặc: GV đưa ra cùng một lúc tất cả các ảnh, trong thời gian 2–3 phút, HS đặt được tên của các ảnh.

– HS trả lời.

Gợi ý:

Hình 6.1: Nghề dệt, thêu, ren, may/nghề dệt/nghề dệt lụa/nghề thêu ren/nghề may.

Hình 6.2: Nghề đan song, mây, tre, giang/nghề mây, tre đan.

Hình 6.3: Nghề gốm/nghề gốm sứ.

Hình 6.4: Nghề kim hoàn.

– GV có thể nói rõ hơn đặc điểm một số nghề truyền thống ở Hà Nội mà HS vừa đặt tên hoặc bổ sung thông tin về phố nghề ở Hà Nội (tùy thời gian trên lớp), ví dụ: nghề kim hoàn.

Nghề kim hoàn có bề dày lịch sử với những câu chuyện thăng trầm lí thú như một mạch ngầm văn hiến vẫn luôn chảy mãi trong lòng Thăng Long – Hà Nội. Dân gian xưa có câu: “Lĩnh hoa Yên Thái, đồ gốm Bát Tràng, thợ vàng Định Công, thợ đồng Ngũ Xã”. Có thể thấy, nghề đậu bạc ở Định Công từ xa xưa đã được đánh giá là một trong bốn nghề tinh hoa nhất kinh thành Thăng Long.

Với lịch sử khoảng 1 500 năm, nghề đậu bạc Định Công có nhiều nét độc đáo. Thợ kim hoàn Định Công khi chế tác sản phẩm vàng bạc tinh xảo luôn thực hiện 3 khâu quan trọng là chạm, đậu và trơn. Chạm tức là chạm trổ các hình vẽ, hoa văn, họa tiết trên mặt các đồ trang sức hoặc các sản phẩm bằng vàng bạc như các loại chóp nón, kiềng, vòng, khánh, ống vôi, ống nhỏ... Kỹ thuật đậu tức là kéo vàng bạc đã nung chảy thành sợi rồi từ những “sợi chỉ” này kết hình hoa lá, chim muông... gắn vào đồ trang sức. Tiếp đó là kỹ thuật trơn, người thợ không cần chạm trổ mà phải “cườm” cho sản phẩm nhẵn, bóng, trơn. Thợ kim hoàn lành nghề phải giỏi cả ba kỹ thuật chuyên môn trên và biết thủ thuật luyện kim cổ truyền. Nói đến nghề kim hoàn tại Hà Nội cũng không thể không nhắc đến phố Hàng Bạc, nơi có nghề kim hoàn với những kỹ thuật chạm, đậu, trơn tinh xảo học từ thợ kim hoàn Định Công.

Theo chia sẻ của nhiều nghệ nhân trong nghề thì cái khó nhất của nghề thợ kim hoàn là họ phải sử dụng những đồ nghề tí hon, nằm lọt thỏm trong lòng bàn tay và tác động một lực vừa phải để tạo ra những hình thù mong muốn trên từng món trang sức. Những người muốn theo nghề kim hoàn lâu dài cần phải có đam mê với nghề, thực sự cần mẫn, tỉ mỉ, khéo léo, có con mắt thẩm mỹ tuyệt vời để có thể biến đổi những thanh kim loại, những viên đá quý thô sơ trở nên tỏa sáng, sắc sảo và tinh tế. Đây là nghề chế tác kim loại quý nên đòi hỏi người thợ phải trung thực, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp.

Ngoài những điều kiện cần mang tính nền tảng ở trên, họ cần trải qua một khóa học làm thợ kim hoàn tại các trường nghề với sự dẫn dắt của chính các nghệ nhân trong lĩnh vực kim hoàn. Những người thợ kim hoàn có thể làm việc tại các xưởng chế tác của các công ty đá quý: tại các cơ sở sản xuất nữ trang; các tiệm vàng bạc, đá quý. Ngoài ra, họ cũng có thể làm việc tự do tại nhà theo các đơn hàng đặt riêng của khách hàng.

** GV đặt thêm câu hỏi:*

Hãy kể tên một số nghề truyền thống ở nơi em đang sinh sống.

- HS lần lượt kể tên.
- GV hoặc HS khác ghi lên bảng.
- GV kết luận và dẫn dắt vào bài.

Mở rộng:

GV có thể bổ sung thông tin phân biệt khái niệm làng nghề và làng nghề truyền thống.

Theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Nghề truyền thống là nghề đã được hình thành từ lâu đời, tạo ra những sản phẩm độc đáo, có tính riêng biệt, được lưu truyền và phát triển đến ngày nay hoặc có nguy cơ bị mai một, thất truyền. Các nghề được công nhận là nghề truyền thống khi đảm bảo 03 tiêu chí: Nghề đã xuất hiện tại địa phương từ trên 50 năm và hiện đang tiếp tục phát triển tính đến thời điểm đề nghị công nhận; Nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc; Nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề.
- Làng nghề là một hoặc nhiều cụm dân cư tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn: chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ; sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh;....
- Làng nghề truyền thống là làng nghề có nghề truyền thống được hình thành từ lâu đời.

3.2. Kiến thức mới

a) Mục đích

- HS xác định được các sản phẩm của một số nghề truyền thống và tên làng có nghề truyền thống đó ở Hà Nội.
- HS nêu được giá trị của các nghề truyền thống ở thành phố Hà Nội.
- HS trình bày được tình hình phát triển của một số nghề truyền thống.
- HS chia sẻ được ý kiến và các biện pháp góp phần bảo tồn và phát triển các nghề truyền thống tại địa phương.

b) Gợi ý hoạt động

* *Hoạt động 1:* Kể tên các sản phẩm của một số nghề truyền thống (cá nhân, kỹ thuật tia chớp)

- GV yêu cầu HS lần lượt kể tên các sản phẩm của một số nghề truyền thống ở Hà Nội.

Lưu ý: GV có thể đưa ra 2, 3 nghề khác hoặc lựa chọn nghề có tại địa phương để gần gũi với HS để HS kể tên sản phẩm. Ví dụ: Sản phẩm của nghề dệt, thêu, ren, may; nghề đan song, mây, tre, giang; nghề chế biến gỗ, lâm sản, các sản phẩm mộc;

– HS lần lượt liệt kê (câu trả lời của người sau không trùng với câu trả lời của người trước).

– GV hoặc 1 HS viết các sản phẩm lên bảng và kết luận.

** Hoạt động 2: Sắp xếp thông tin phù hợp (nhóm nhỏ 5–6 HS, cuộc thi)*

– GV tổ chức cuộc thi “Ai đúng, ai nhanh”, chia lớp thành 4–6 đội chơi, thành lập tổ trọng tài (mỗi đội cử 1 người làm trọng tài) và yêu cầu các đội trong thời gian 3 phút sắp xếp các thông tin phù hợp giữa tên nghề và tên làng truyền thống ở Hà Nội.

– Các đội chơi sắp xếp: Đội nào xong trước nộp kết quả lại cho tổ trọng tài.

– Đại diện đội lên đọc kết quả.

– Các thành viên khác bổ sung, nhận xét.

– Tổ trọng tài chấm và công bố kết quả.

– HS thực hiện.

– HS bổ sung thêm các làng nghề có các nghề truyền thống đó.

– GV nhận xét, kết luận.

– GV củng cố tiết 1 và dặn dò HS chuẩn bị cho tiết sau.

Lưu ý:

– *Đáp án của hoạt động này là 1 – c, e; 2 – d, i; 3 – a, h; 4 – b, g.*

– *GV có thể thêm thông tin hoặc thay đổi về tên nghề truyền thống và tên làng nghề tùy vào thực tế lớp học.*

** Hoạt động 3: Tìm hiểu về giá trị của nghề truyền thống trên địa bàn thành phố Hà Nội (nhóm, kỹ thuật triển lãm tranh).*

– GV chia lớp thành 4 hoặc 6 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm:

+ Nhiệm vụ: vẽ sơ đồ tư duy thể hiện giá trị của nghề truyền thống trên giấy A0.

+ Thời gian hoàn thành phiếu: 10 phút.

+ Các nhóm dán kết quả lên bảng.

+ HS các nhóm lần lượt đi 1 vòng xem tất cả các sản phẩm của các nhóm, dùng bút khác màu viết nhận xét hoặc bổ sung vào sản phẩm cho nhóm, chấm điểm cho mỗi nhóm.

Tiêu chí nhận xét và chấm điểm:

- ✓ Hình thức trình bày: rõ ràng, sạch sẽ, khoa học, thẩm mỹ (4 điểm).
- ✓ Nội dung: chính xác, đầy đủ (6 điểm).

+ Đại diện 1 nhóm trình bày (vì các nhóm cùng làm 1 nội dung, nên chỉ cần 1 nhóm trình bày) – và có sự trao đổi với các nhóm khác dựa trên những nhận xét, bổ sung.

- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV nhận xét và kết luận.

Lưu ý: Tùy vào thực tế lớp học, HS có thể gọi đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, nhóm khác nhận xét, bổ sung trực tiếp và chấm điểm.

** Hoạt động 4: Xử lý tình huống (nhóm, sắm vai)*

– GV chia lớp thành 5–6 nhóm, đưa ra tình huống, dành thời gian cho các nhóm suy nghĩ, phát phiếu học tập và phổ biến cách thức hoạt động:

+ Các nhóm thảo luận và đưa ra các ý kiến theo gợi ý trong phiếu học tập:

PHIẾU HỌC TẬP

- Em đồng ý với ý kiến của bạn nào? Vì sao?
- Theo em, HS cần làm gì để góp phần bảo tồn và phát triển các nghề truyền thống tại địa phương.

+ Phân vai, xây dựng kịch bản và thử vai: tối thiểu sẽ có 1 nhân vật dẫn chuyện (nếu tình huống cần); 1 nhân vật là HS 1; 1 nhân vật là HS 2. Có thể có thêm nhân vật.

+ Nhóm lên trình diễn.

- HS làm việc nhóm theo yêu cầu (10 phút).
- HS trình diễn (2 hoặc 3 nhóm tùy thực tế lớp học).
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV kết luận, củng cố tiết học và hướng dẫn các hoạt động cho tiết sau.

Lưu ý: GV có thể chuẩn bị tình huống khác nhưng đảm bảo yêu cầu như trong SGK. GV khuyến khích HS có thể bổ sung lời thoại/nhân vật trong kịch bản.

3.3. Luyện tập

a) Mục đích

- HS củng cố lại kiến thức, mở rộng hiểu biết thông qua việc tìm hiểu các vấn đề

liên quan đến nghề truyền thống (những yêu cầu về phẩm chất và kỹ năng của nghề nhân; hình thức quảng bá).

– Chia sẻ được các đặc điểm của thợ nghề và của bản thân phù hợp với nghề truyền thống.

– HS chia sẻ được những hiểu biết của bản thân thông qua tìm hiểu, trải nghiệm về các hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm của các nghề, làng nghề truyền thống mà hiện nay thành phố đang thực hiện.

b) Gợi ý hoạt động

* *Hoạt động 1:* Xác định những đặc điểm của bản thân phù hợp với nghề truyền thống (cặp đôi, hỏi – đáp)

– GV đưa ra yêu cầu: Dựa vào bảng thông tin, em hãy:

+ Xác định những phẩm chất, kỹ năng chủ yếu của người thợ khi làm một nghề truyền thống cụ thể. (Ví dụ: Nghề chế biến gỗ, lâm sản, các sản phẩm mộc; đánh dấu x vào ô có đặc điểm phù hợp với nghề này).

+ Tự đánh giá bản thân có những đặc điểm nào phù hợp đối với nghề đó (*dùng các từ để đánh giá: có/cần tìm hiểu thêm/cần được đào tạo*).

Phẩm chất và kỹ năng chủ yếu	Nghề truyền thống (<i>Ví dụ: Nghề chế biến gỗ, lâm sản, các sản phẩm mộc</i>)	Tự đánh giá
Yêu nghề		
Khéo léo		
Kiên trì		
Cần cù		
Sáng tạo		
Trung thực		
Có tính thẩm mỹ		
Hiểu biết về nghề (lịch sử phát triển, các sản phẩm, thuận lợi, khó khăn,...)		
Các kỹ thuật tạo ra sản phẩm		

- HS trao đổi với nhau.
- Các cặp đứng dậy chia sẻ.

Lưu ý: GV có thể đưa ra các nghề khác để HS xác định.

*** Hoạt động 2:** Liệt kê và thực hiện các hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm (cả lớp/nhóm, sắm vai)

– GV chia lớp thành 4 hoặc 6 nhóm HS và yêu cầu: Liệt kê và thực hiện các hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm của các làng nghề truyền thống ở Hà Nội đến du khách trong và ngoài nước.

+ Cách thức làm việc nhóm: các nhóm trao đổi, liệt kê vào giấy A4 các hoạt động quảng bá. Sau đó đóng vai “Mình là tuyên truyền viên giỏi” để quảng bá, giới thiệu về làng nghề truyền thống mà nhóm chọn.

+ Hình thức quảng bá, giới thiệu tùy nhóm chọn (bài viết, sơ đồ, giới thiệu bằng lời, tranh ảnh, câu khẩu hiệu,...).

+ Kịch bản: Giới thiệu các hoạt động quảng bá; các sản phẩm của nghề, làng nghề truyền thống và giá trị, vai trò của các sản phẩm; thị trường; các biện pháp nâng cao giá trị sản phẩm của làng nghề;...

+ Phân vai: người quảng bá, khách du lịch;...

– HS trình diễn.

– HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV kết luận.

3.4. Vận dụng

a) Mục đích

– HS hình thành kỹ năng trình bày, nói lên suy nghĩ, cảm nhận của mình liên quan đến kiến thức, kỹ năng đã học trong chủ đề;

– Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch cho các hoạt động trải nghiệm. Thực hiện được các hoạt động và trải nghiệm phù hợp với bản thân trong cuộc sống.

b) Gợi ý hoạt động

*** Hoạt động 1:** Giới thiệu về một nghề truyền thống mà em yêu thích với bạn bè, người thân và khách du lịch (nhóm, dự án học tập).

– GV chia lớp thành các nhóm nhỏ, phát phiếu học tập và yêu cầu các nhóm thực hiện dự án học tập:

TÊN DỰ ÁN

NGHỀ TRUYỀN THỐNG EM YÊU THÍCH

1. Họ và tên (nhóm thực hiện):
2. Thời gian thực hiện:
3. Nội dung dự án:
 - Tên nghề truyền thống:
 - Làng nghề truyền thống (có nghề này):
 - Sản phẩm của nghề:
 - Tình hình phát triển (thuận lợi, khó khăn, biện pháp):
 - Đặc điểm của bản thân (phẩm chất và kĩ năng) phù hợp với nghề truyền thống này:
 - Cảm nghĩ của bản thân về nghề truyền thống:

– Các nhóm thực hiện và hoàn thành dự án học tập.

– GV tổ chức cho các nhóm theo nhiều cách: giới thiệu hoặc trưng bày sản phẩm dự án (hình thức thể hiện sản phẩm đa dạng, sáng tạo).

– Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận.

* *Hoạt động 2*: Đề xuất một số biện pháp bảo tồn và phát triển một nghề truyền thống của thành phố Hà Nội (đóng vai).

– GV chia nhóm/cặp để đóng vai là nhà sản xuất hoặc người thợ thủ công để đề xuất một số biện pháp bảo tồn và phát triển một nghề truyền thống của thành phố Hà Nội.

– HS xây dựng kịch bản, phân vai, luyện tập.

– HS trình diễn.

- HS nhóm/cặp khác góp ý.
- GV tổng kết.

Lưu ý:

- GV có thể gộp 2 hoạt động này làm một và sử dụng phương pháp dạy học dự án hoặc hình thức dạy học ngoài lớp học (ví dụ: học tập tại làng nghề).
- GV khuyến khích HS tham quan, trải nghiệm các làng nghề để tìm hiểu và thực hành về các nghề truyền thống cùng gia đình, bạn bè.

3.5. Tổng kết và đánh giá (3–5 phút)

Cách thực hiện: làm việc cá nhân.

- GV đặt câu hỏi:
 - + Kể tên các nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn thành phố Hà Nội.
 - + Liệt kê các hoạt động em đã thực hiện để góp phần bảo tồn và phát triển các nghề, làng nghề truyền thống tại địa phương.
- Một số HS chia sẻ trước lớp.
- GV nhận xét, đánh giá.

Lưu ý: Hoạt động này GV có thể yêu cầu mỗi HS liệt kê vào vở và một số HS chia sẻ.



PHONG TRÀO “TƯƠNG THÂN TƯƠNG ÁI” Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. MỤC TIÊU

- Nêu được tên và một số hoạt động của phong trào “Tương thân tương ái” của thành phố Hà Nội.
- Nêu được mục đích và kết quả đạt được của phong trào “Tương thân tương ái”.
- Tham gia tuyên truyền cho bạn bè, người thân và cộng đồng cùng phát triển phong trào “Tương thân tương ái” ở địa phương.

2. CHUẨN BỊ

2.1. Chuẩn bị của giáo viên

– Một số hình ảnh trong SGK và một số hình ảnh khác, video và một số hình ảnh về các hoạt động của phong trào “Tương thân tương ái” ở thành phố Hà Nội (hoạt động phát cơm miễn phí, trao tặng xe đạp cho HS nghèo,...).

- Phiếu học tập.
- Giấy A0, băng phụ, nam châm/băng dính.
- Máy chiếu và bài giảng Powerpoint (nếu có).

2.2. Chuẩn bị của học sinh

- Đồ dùng học tập: bút, hộp màu.
- Tài liệu *Giáo dục địa phương thành phố Hà Nội lớp 6*.

3. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG

3.1. Mở đầu

a) Mục đích

HS nhận diện được các hoạt động thể hiện tinh thần tương thân tương ái qua một số hình ảnh GV đã chuẩn bị và trang 46 SGK.

b) Gợi ý hoạt động (Làm việc chung cả lớp)

– GV chiếu cho HS xem video (hoặc hình ảnh) về: Một số hoạt động như: từ quân áo miễn phí, bác sĩ khám và điều trị cho bệnh nhi bị bệnh tim bẩm sinh, hoạt động trao tặng bò cho các hộ nghèo,...

– GV đặt câu hỏi:

Những hình ảnh trên nói đến hoạt động gì? Nêu ý nghĩa của các hoạt động đó?

– GV gọi ngẫu nhiên một số HS lên trả lời sau khi quan sát 4 hình ảnh trong SGK.

– Một số HS trả lời câu hỏi.

HS trả lời tùy thuộc vào hiểu biết của các em, GV có thể đặt những câu hỏi nhỏ để gợi ý cho HS.

– GV dẫn dắt vào bài học:

+ GV có thể đặt thêm câu hỏi cho HS về các hoạt động liên quan trực tiếp đến HS ở trường (giúp đỡ bạn, ủng hộ các bạn có hoàn cảnh khó khăn,...).

+ Sau đó, GV dẫn dắt chuyển sang phần kiến thức mới.

3.2. Kiến thức mới

a) Mục đích

– Nêu được một số hoạt động của phong trào “Tương thân tương ái” của thành phố Hà Nội.

– Nêu được mục đích, các hoạt động đã triển khai và kết quả đạt được của phong trào “Tương thân tương ái” của thành phố Hà Nội.

b) Gợi ý hoạt động

* *Hoạt động 1:* Tìm hiểu về phong trào “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam”.

– GV cho cả lớp xem video hoặc các hình ảnh, thông tin về các hoạt động của phong trào “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam”.

– GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

<i>Stt</i>	<i>Các hoạt động</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Kết quả</i>

- Nhiệm vụ: Mỗi nhóm sẽ thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 1 trên giấy A0.
- Thời gian hoàn thành phiếu: 15 phút.
- Các nhóm dán kết quả lên bảng.
- HS các nhóm lần lượt đi 1 vòng xem kết quả thảo luận của tất cả các nhóm, dùng bút khác màu viết nhận xét hoặc bổ sung vào kết quả cho nhóm, chấm điểm cho mỗi nhóm.

Tiêu chí nhận xét và chấm điểm:

- Hình thức trình bày: rõ ràng, sạch sẽ, khoa học, thẩm mỹ (4 điểm).
 - Nội dung: chính xác, đầy đủ (6 điểm).
- + Đại diện 1 nhóm trình bày (vì các nhóm cùng làm 1 nội dung, nên chỉ cần 1 nhóm trình bày) và có sự trao đổi với các nhóm khác dựa trên những nhận xét, bổ sung.

- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV nhận xét và kết luận.

Lưu ý: Tùy vào thực tế lớp học, HS có thể gọi đại diện nhóm lên trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung trực tiếp và chấm điểm.

- GV chốt lại kiến thức và kết luận.
- GV đặt các câu hỏi gợi mở cho HS.

Lưu ý: GV bổ sung thêm về một số hoạt động của phong trào “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam” để cho HS hiểu đầy đủ hơn.

* *Hoạt động 2:* Tìm hiểu phong trào quyên góp sách vở và đồ dùng học tập cho HS vùng bị thiên tai.

GV triển khai tương tự như hoạt động 1 với mẫu phiếu học tập số 1.

** Hoạt động 3: Tìm hiểu về một số phong trào “Tương thân tương ái khác”*

– GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho cặp nhóm chẵn và cặp nhóm lẻ (làm việc theo cặp nhóm).

- Nhóm lẻ: Tìm hiểu về các hoạt động của Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ em mồ côi thành phố Hà Nội (Theo mẫu phiếu học tập số 1).

- Nhóm chẵn: Tìm hiểu về các hoạt động thiện nguyện của Đoàn – Đội (Theo mẫu phiếu học tập số 1).

+ Nhiệm vụ: Mỗi cặp nhóm sẽ thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 1 trên giấy A0.

+ Thời gian hoàn thành phiếu: 15 phút .

+ Các cặp nhóm dán kết quả lên bảng.

+ HS các cặp nhóm lần lượt đi 1 vòng xem kết quả thảo luận của tất cả các cặp nhóm; dùng bút khác màu viết nhận xét hoặc bổ sung vào kết quả cho các cặp nhóm khác, chấm điểm cho mỗi cặp nhóm.

Tiêu chí nhận xét và chấm điểm:

- Hình thức trình bày: rõ ràng, sạch sẽ, khoa học, thẩm mỹ (4 điểm).

- Nội dung: chính xác, đầy đủ (6 điểm).

+ Đại diện các cặp nhóm trình bày, các cặp nhóm bổ sung cho nhau.

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV nhận xét và kết luận.

3.3. Luyện tập

a) Mục đích

– củng cố lại kiến thức trong chủ đề thông qua việc tìm hiểu ý nghĩa của các câu ca dao tục ngữ nói về phong trào “Tương thân tương ái”, hoặc tìm hiểu thêm về các hoạt động của phong trào “Tương thân tương ái” ở thành phố Hà Nội.

– HS được tham gia các hoạt động thể hiện tinh thần “Tương thân tương ái” phù hợp với lứa tuổi.

b) Gợi ý hoạt động

* *Hoạt động 1:* Lựa chọn và tìm hiểu một phong trào tương thân tương ái ở nơi em sống hoặc thành phố Hà Nội theo gợi ý:

- Tên phong trào;
- Mục đích của phong trào;
- Các hoạt động đã triển khai;
- Kết quả đạt được.

(Làm việc tập thể, GV gọi ngẫu nhiên một số HS lên trình bày phong trào mà bản thân lựa chọn).

* *Hoạt động 2:* Suy tầm và tìm hiểu ý nghĩa một số câu tục ngữ thể hiện tinh thần tương thân tương ái của dân tộc ta nói chung và người dân Hà Nội nói riêng.

GV có thể cho cả lớp làm việc chung hoặc chia nhóm, giao nhiệm vụ cho HS bằng cách tổ chức cuộc thi thuyết trình về ý nghĩa của các câu tục ngữ mà các em suy tầm được.

* *Hoạt động 3:* Cả lớp làm bài tập 3 trang 50 sách giáo khoa.

3.4. Vận dụng

a) Mục đích

- Biết cách lập kế hoạch giúp đỡ những bạn có hoàn cảnh khó khăn trong lớp học bằng những việc làm thiết thực.
- HS tham gia các việc làm thể hiện tinh thần tương thân tương ái bằng các hoạt động cụ thể, lan toả đến mọi người tinh thần tương thân tương ái.

b) Gợi ý hoạt động

* *Hoạt động 1:* Làm việc theo nhóm để thực hiện hoạt động ở câu hỏi 1 trang 51 SGK.

GV gợi ý để HS tự thực hiện hoạt động này theo nhóm tổ.

* *Hoạt động 2:* Thực hiện một số hoạt động để vận động bạn bè, người thân tham gia một số phong trào “Tương thân tương ái” ở trường học hoặc tại địa phương em.

– GV có thể yêu cầu mỗi HS viết một đoạn văn ngắn về vận động bạn bè, người thân tham gia phong trào “Tương thân tương ái” tại lớp học hoặc tại địa phương em.

– Hoặc, tổ chức một cuộc thi nhỏ tại lớp học viết về chủ đề “Lan toả tinh thần tương thân tương ái”.

Kết thúc cuộc thi sẽ có phần thưởng trao giải cho bài viết xuất sắc nhất nhằm động viên các em.

Nhiệm vụ sau tiết học: Khuyến khích các em luôn quan tâm, chia sẻ với những thành viên trong gia đình, trong nhà trường và ngoài xã hội. Từ đó giúp các em biết tương thân tương ái, giúp đỡ người khác trong khó khăn, hoạn nạn là việc làm tốt đẹp, cần tuyên dương, khen ngợi và lan toả trong cộng đồng.

Chủ đề 8

Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG TỚI ĐỜI SỐNG, SỨC KHỎE NGƯỜI DÂN HÀ NỘI

1. MỤC TIÊU

- Nêu được tình trạng và nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường ở thành phố Hà Nội.
- Trình bày được những ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường tới đời sống, sức khỏe người dân thành phố.
- Nêu được một số biện pháp, việc làm cụ thể để góp phần bảo vệ môi trường ở thành phố Hà Nội.
- Tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân và cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường của thành phố.

2. CHUẨN BỊ

2.1. Chuẩn bị của giáo viên

- Một số hình ảnh trong SGK và một số hình ảnh khác, video và một số hình ảnh ô nhiễm môi trường tại một số khu vực dân của thành phố.
- Phiếu học tập.
- Giấy A0, bảng phụ, nam châm/băng dính.
- Máy chiếu và bài giảng Powerpoint (nếu có).
- Chuẩn bị đồ dùng như yêu cầu trong phần vận dụng.

2.2. Chuẩn bị của học sinh

- Đồ dùng học tập: bút, hộp màu.

- Tài liệu *Giáo dục địa phương thành phố Hà Nội lớp 6*.
- Một số hình ảnh, pano, áp phích về việc tuyên truyền bảo vệ môi trường (có thể tự vẽ).

3. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG

3.1. Mở đầu

a) Mục đích

HS nêu được một số hiện tượng ảnh hưởng đến môi trường của thành phố Hà Nội qua quan sát hình ảnh trong SGK trang 52 và một số hình ảnh và video GV đã chuẩn bị.

b) Gợi ý hoạt động

** Hoạt động 1: (Làm việc chung cả lớp)*

– GV chiếu cho HS xem video (hoặc hình ảnh) về: Một số hình ảnh gây ô nhiễm môi trường ở thành phố Hà Nội.

– GV đặt câu hỏi:

Các hiện tượng trong các hình ảnh có ảnh hưởng đến môi trường của thành phố Hà Nội không?

– GV gọi ngẫu nhiên một số HS lên trả lời sau khi quan sát 4 hình ảnh trong SGK.

– Một số HS trả lời câu hỏi.

– GV dẫn dắt vào bài học:

– GV có thể đặt thêm câu hỏi cho HS liên hệ thực tế về môi trường của ngôi trường HS đang học.

– GV chuyển sang phần kiến thức mới.

Lưu ý: GV có thể chuẩn bị các hình ảnh về ô nhiễm môi trường nhiều hơn so với hình ảnh trong SGK.

3.2. Kiến thức mới

a) Mục đích

– HS nêu được tình trạng, nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường ở thành phố Hà Nội và ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đến đời sống người dân;

- HS nêu được một số biện pháp để bảo vệ môi trường ở thành phố Hà Nội.

b) Gợi ý hoạt động

** Hoạt động 1:* Tìm hiểu tình trạng, nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường ở Hà Nội (làm việc nhóm)

– GV cho cả lớp xem video hoặc các hình ảnh về ô nhiễm môi trường ở Hà Nội (Hình ảnh về ô nhiễm tại làng nghề, ao hồ, các khu công nghiệp, khu dân cư,...).

– GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm thảo luận theo nội dung sau:

+ Nhóm 1: Tình trạng, nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường đất ở thành phố Hà Nội;

+ Nhóm 2: Tình trạng, nguyên nhân gây ô nhiễm nước ở thành phố Hà Nội;

+ Nhóm 3: Tình trạng, nguyên nhân gây ô nhiễm không khí ở thành phố Hà Nội;

+ Nhóm 4: Tình trạng, nguyên nhân gây ô nhiễm tiếng ồn ở thành phố Hà Nội.

(GV gợi ý các nhóm ghi kết quả thảo luận theo sơ đồ tư duy).

Sau khi thảo luận mỗi nhóm sẽ cử đại diện trình bày kết quả.

– GV chốt lại kiến thức cơ bản như trong SGK và kết luận.

– GV đặt các câu hỏi gợi mở cho HS.

– GV bổ sung những thông tin về tình trạng và nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường ở thành phố Hà Nội để cho HS hiểu đầy đủ hơn.

** Hoạt động 2:* Tìm hiểu ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe và đời sống người dân thành phố

– GV cung cấp cho HS những thông tin về ảnh hưởng của môi trường đến con người qua các video hoặc các tài liệu sưu tầm được từ các kênh khác nhau.

GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm thảo luận theo nội dung sau:

+ Nhóm 1: Ảnh hưởng của môi trường đất đến đời sống và sức khỏe của người dân.

+ Nhóm 2: Ảnh hưởng của môi trường nước đến đời sống và sức khỏe của người dân.

+ Nhóm 3: Ảnh hưởng của môi trường không khí đến đời sống và sức khỏe của người dân.

+ Nhóm 4: Ảnh hưởng của ô nhiễm tiếng ồn đến đời sống và sức khỏe của người dân.

(Từng nhóm ghi kết quả vào tờ giấy A0 và kẹp lên bảng, mỗi nhóm cử đại diện trình bày kết quả của nhóm, sau đó các nhóm bổ sung cho nhau).

– GV bổ sung những thông tin về ảnh hưởng của môi trường đến đời sống của người dân đầy đủ hơn.

– GV chốt lại kiến thức cơ bản như trong SGK và kết luận.

GV tóm tắt lại những ảnh hưởng của môi trường (đất, nước, không khí, tiếng ồn) đối với người dân thành phố trong SGK.

** Hoạt động 3:* Tìm hiểu một số biện pháp góp phần bảo vệ môi trường ở thành phố Hà Nội.

– GV cho HS quan sát video, tranh ảnh về một số hoạt động nhằm làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã chuẩn bị sẵn (về phân loại và thu gom rác thải, trồng cây xanh,...) và hướng dẫn HS trả lời câu hỏi:

+ Tại sao lại phải phân loại rác trước khi đưa đi xử lý?

+ Lợi ích của việc trồng cây xanh?

+

+ Nêu những hoạt động nhằm tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng?

– GV có thể nêu thêm những việc nhỏ mà HS có thể làm để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, ví dụ: sử dụng giấy tiết kiệm (tránh phải chặt nhiều cây lấy gỗ làm giấy), giữ được môi trường trong lành, tiết kiệm điện (giúp hạn chế lượng khí thải trong sản xuất điện), bỏ rác đúng nơi quy định,...

– GV chia lớp thành 4 nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ:

+ Nhóm 1: Tìm hiểu và thảo luận về nội dung biện pháp bảo vệ môi trường đất.

+ Nhóm 2: Tìm hiểu và thảo luận về một số biện pháp bảo vệ môi trường nước.

+ Nhóm 3: Tìm hiểu và thảo luận về một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.

+ Nhóm 4: Tìm hiểu và thảo luận về một số biện pháp làm giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn.

Mỗi nhóm ghi kết quả thảo luận vào tờ giấy A0 và dán lên bảng. Đại diện từng nhóm trình bày kết quả. Các nhóm bổ sung cho nhóm khác.

– GV chốt ý lại các ý cơ bản về một số biện pháp làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường nhằm bảo vệ môi trường ở Hà Nội như trong SGK.

– GV đặt các câu hỏi gợi mở cho HS:

+ Nêu một số biện pháp làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường khác ngoài các biện pháp trong SGK.

+ Nêu một số biện pháp làm giảm ô nhiễm môi trường mà em biết tại nơi em sinh sống.

3.3. Luyện tập

a) Mục đích

– HS củng cố lại kiến thức trong chủ đề: tình trạng và nguyên nhân ảnh hưởng đến môi trường ở thành phố Hà Nội; ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đối với đời sống con người; một số biện pháp góp phần bảo vệ môi trường thành phố.

– Nêu được số việc làm cụ thể của bản thân góp phần bảo vệ môi trường.

– Tuyên truyền, vận động bạn bè và người thân cùng tham gia bảo vệ môi trường thành phố.

b) Gợi ý hoạt động

* *Hoạt động 1:* Củng cố lại nội dung về nguyên nhân và ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe và đời sống người dân. Đề xuất một số biện pháp làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường đối với từng trường hợp.

– GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho từng nhóm:

+ Nhóm 1. Tìm hiểu và hoàn thành phiếu học tập số 1.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1			
Nguyên nhân gây ô nhiễm	Môi trường bị ô nhiễm	Ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống người dân	Biện pháp giảm thiểu
Cát, bụi từ các xe chở vật liệu không che chắn			

+ Nhóm 2. Tìm hiểu và hoàn thành phiếu học tập số 2:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2			
Nguyên nhân gây ô nhiễm	Môi trường bị ô nhiễm	Ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống người dân	Biện pháp giảm thiểu
Chất tẩy rửa, thuốc nhuộm, màu vẽ, hóa chất,... từ các làng nghề ngoại thành Hà Nội thải trực tiếp ra môi trường.			

+ Nhóm 3. Tìm hiểu và hoàn thành phiếu học tập số 3:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3			
Nguyên nhân gây ô nhiễm	Môi trường bị ô nhiễm	Ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống người dân	Biện pháp giảm thiểu
Hoạt động khoan cắt bê tông ở công trình xây dựng			

+ Nhóm 4. Tìm hiểu và hoàn thành phiếu học tập số 4:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4			
Nguyên nhân gây ô nhiễm	Môi trường bị ô nhiễm	Ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống người dân	Biện pháp giảm thiểu
Đổ rác thải xuống sông, hồ			

+ Các nhóm hoàn thành phiếu học tập trên giấy A0.

+ Thời gian hoàn thành: 15 phút.

+ Dán các phiếu học tập lên bảng.

+ HS xem kết quả của các nhóm khác, ghi nhận xét, bổ sung vào sản phẩm (bảng mực màu khác).

+ Đại diện của từng nhóm lên trình bày. Nhóm khác bổ sung cho nhau.

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV kết luận.

** Hoạt động 2:* Đề xuất ý tưởng của em về các việc làm giảm thiểu ô nhiễm không khí ở trường học hoặc nơi em ở

– GV yêu cầu mỗi HS hoàn thành câu hỏi 2 trang 60 (SGK) vào tờ giấy A4.

– HS hoàn thành và nộp lại cho GV.

3.4. Vận dụng

a) Mục đích

– HS tự làm các sản phẩm từ vật liệu đã qua sử dụng góp phần làm giảm thiểu lượng rác thải ra môi trường.

– HS tham gia ít nhất một hoạt động để bảo vệ môi trường ở trường học, địa phương mình sinh sống.

– HS vẽ tranh hoặc sáng tác khẩu hiệu tuyên truyền, vận động mọi người cùng chung tay bảo vệ môi trường tự nhiên.

b) Gợi ý hoạt động

** Hoạt động 1:* Tổ chức buổi trưng bày và giới thiệu sản phẩm của cá nhân tự làm về chủ đề “Làm đồ dùng từ vật liệu đã qua sử dụng”

– GV chia lớp thành 4 hoặc 6 nhóm HS và yêu cầu (hoạt động này GV đã yêu cầu các nhóm chuẩn bị từ trước, trên lớp, các nhóm giới thiệu sản phẩm của mình

– Cách thức làm việc nhóm:

+ Các nhóm nộp sản phẩm đã chuẩn bị cho nhóm trưởng.

+ Chuẩn bị cho việc giới thiệu về các sản phẩm mà nhóm chọn.

– HS đại diện nhóm giới thiệu sản phẩm của nhóm.

– HS nhóm khác nhận xét về sản phẩm.

– GV kết luận.

** Hoạt động 2:* Cùng gia đình tham gia một buổi dọn vệ sinh ở nơi em sống

– GV khuyến khích thực hiện hoạt động dọn vệ sinh ở tổ dân phố, khu tập thể, trường học,... nhằm tạo cho các em có ý thức thực hiện các việc làm ở cộng đồng, góp phần bảo vệ môi trường bằng những việc làm cụ thể của bản thân.

– HS chia sẻ cảm nghĩ của mình sau khi thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường phù hợp với lứa tuổi.

** Hoạt động 3:* Tuyên truyền, vận động mọi người cùng chung tay bảo vệ môi trường thông qua một số hoạt động như sáng tác, viết, vẽ khẩu hiệu tuyên truyền.

– GV khuyến khích HS vẽ tranh hoặc sáng tác khẩu hiệu tuyên truyền, vận động mọi người cùng chung tay bảo vệ môi trường.

– HS hoàn thành sản phẩm.

– GV tổ chức HS thuyết trình sản phẩm của mình.

– GV tổng kết chủ đề.

Lưu ý: Tùy tình hình thực tế có thể tổ chức trên lớp hoặc ra bài tập về nhà, sản phẩm của HS là minh chứng đánh giá HS.

Hoặc có thể: Đóng vai “Tuyên truyền viên bảo vệ môi trường”.

– GV chia lớp thành 4 hoặc 6 nhóm.

+ Bước 1: Làm việc theo nhóm

• Các nhóm lập kế hoạch tuyên truyền về bảo vệ môi trường theo gợi ý:

Stt	Hình thức tuyên truyền	Người thực hiện	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Đánh giá kết quả

• GV gợi ý một số hình thức tuyên truyền: vẽ tranh, sáng tác khẩu hiệu, sưu tầm và trưng bày hình ảnh;....

• Phân vai, dựng kịch bản (gồm giới thiệu về các hình thức tuyên truyền – nhóm đã liệt kê ở trên; vấn đề môi trường mà nhóm lựa chọn).

GV lưu ý HS tùy chọn phân vai: 1 người lên đóng vai tuyên truyền viên thực hiện 1 hoạt động tuyên truyền nào đó hoặc cả nhóm đều đóng vai trong đó có vai tuyên truyền viên, vai quần chúng,...

– Bước 2. Làm việc cả lớp:

Các nhóm lần lượt đóng vai “Tuyên truyền viên bảo vệ môi trường” và nhận xét, góp ý lẫn nhau. Sau đó cả lớp bình bầu xem nhóm nào tốt nhất.

– GV nhận xét và đánh giá.

– GV tổng kết chủ đề.

Nhiệm vụ sau tiết học:

GV gợi ý và khuyến khích HS tiếp tục tìm hiểu thêm về môi trường ở nơi HS sống, hoặc ở Hà Nội và ở nước ta hiện nay. Động viên các em tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền về bảo vệ môi trường. Cùng bạn bè và người thân tham gia các việc làm cụ thể, thiết thực để bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên.